ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**SỞ Y TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, PHẢN BIỆN XÃ HỘI ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (LẦN 2)

**(Theo Công văn số 16062/SYT-KTPC của Sở Y tế ngày 28/10/2026, hạn 07/11/2026; theo Công văn số 16156/SYT-KTPC ngày 29/10/2026, hạn 06/11/2026; theo Công văn số 16283/SYT-KTPC ngày 30/10/2026, hạn 06/11/2026; theo Công văn số 17019/SYT-KTPC ngày 10/11/2026, hạn 12/11/2026)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Căn cứ Luật Dân số số 113/2025/QH15, Sở Y tế đã đề nghị một số cơ quan, đơn vị có liên quan góp ý đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Trên cơ sở ý kiến các cơ quan, đơn vị nêu trên, Sở Y tế tiếp thu, giải trình như sau:

## A. Ý KIẾN CỦA CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

| NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý | NỘI DUNG GÓP Ý | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|---|---|---|---|
| | | | |

## B. Ý KIẾN CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC: không

## C. Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

**I.** Tổng số các cơ quan, đơn vị đã gửi xin ý kiến là 190 đơn vị; bao gồm 03 Bộ (Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ), 168 xã, phường, đặc khu; 19 Sở, ngành và Mặt trận Tổ quốc và các đơn vị có liên quan.

Tính đến ngày 13/11/2026, Sở Y tế nhận được 35 văn bản phúc đáp của một số cơ quan, đơn vị;

**II.** Kết quả cụ thể như sau:

| NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý | NỘI DUNG GÓP Ý | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|---|---|---|---|
| - Chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con<br>- Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | Bộ Nội vụ<br>(Công văn số 12705/BNV-PC ngày 04/11/2026) | Đề nghị rà soát điểm b khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết để bảo đảm thống nhất với khoản 2 và khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số; đồng thời, đề nghị rà soát, thống<br>nhất sử dụng thuật ngữ "thù lao hằng tháng" đối với cộng tác viên dân số tại điểm b khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết và các tài liệu trong hồ sơ để bảo đảm thống nhất với khoản 2, khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, tránh nhầm lẫn giữa chế độ thù lao với các khoản hỗ trợ, bồi dưỡng khác. | **Tiếp thu ý kiến góp ý:** Thực hiện rà soát, điều chỉnh |
| | | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh sửa nội dung 1.1.2 Mục II dự thảo Báo cáo đánh giá tác động để bảo đảm thống nhất với điểm b khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số. Cụ thể, dự thảo Nghị quyết quy định trình tự, thủ tục hỗ trợ tài chính đối với phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi thực hiện theo Nghị định số 168/2026/NĐ-CP. Tuy nhiên, Báo cáo đánh giá tác động lại xác định việc đăng ký khai sinh cho trẻ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là điều kiện bắt buộc để được hưởng hỗ trợ. Trong khi đó, quy định của Chính phủ về việc giải quyết, chi trả hỗ trợ gắn với thủ tục đăng ký khai sinh không đồng nghĩa với việc bổ sung điều kiện về địa điểm đăng ký khai sinh để được hưởng chính sách. | **Tiếp thu ý kiến góp ý:** Thực hiện rà soát, điều chỉnh |
| - Chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con<br>- Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | Cục Dân số, Bộ Y tế<br>(Công văn số 1950/CDS-PCTT ngày 05/11/2026) | - Về mức hỗ trợ tài chính khi sinh con và trình tự, thủ tục thực hiện việc hỗ trợ tài chính<br>Đề nghị nghiên cứu, xem xét bổ sung đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con theo quy định tại điểm b, c khoản 1, Điều 14 Luật Dân số 113/2025/QH15 và thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP nhằm bảo đảm các chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con được thể hiện đầy đủ, thống nhất trong Nghị quyết và phù hợp với quy định hiện hành. | **Không tiếp thu ý kiến góp ý:** Căn cứ Công văn số 11514/STP-VB ngày 08/9/2026 của Sở Tư pháp về việc góp ý dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thực hiện công tác dân số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cứ khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP quy định:<br>*"2. Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ kinh phí khi sinh con*<br>*Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) căn cứ thông tin từ hệ thống liên thông thủ tục đăng ký khai sinh, cơ sở dữ liệu quốc gia dân* |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | *cư, ứng dụng định danh quốc gia (VneID) và các cơ sở dữ liệu có sẵn để quyết định hỗ trợ kinh phí và thực hiện chi trả cho phụ nữ sinh con theo quy định tại khoản 1 Điều này cùng với thời điểm đăng ký khai sinh.".*<br>Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP quy định:<br>*"4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*<br>*...*<br>*b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chi trả hỗ trợ tài chính khi sinh con tại Điều 3 Nghị định này;*<br>*..."*<br>Việc thực hiện hỗ trợ tài chính đối với Phụ nữ dân tộc rất ít người; Phụ nữ ở tỉnh, thành phố có mức sinh dưới mức sinh thay thế được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chi trả, mức chi thực hiện theo định mức quy định tại Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, do không đề xuất thay đổi về định mức so với định mức quy định tại Nghị định số 168/2026/NĐ-CP nên Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện hướng dẫn triển khai và không đưa vào dự thảo Nghị quyết nội dung này. |
| | | - Về Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số<br>+ Dự thảo Nghị quyết hiện đang quy định mức 0,5 mức lương cơ sở đối với cộng tác viên dân số làm việc tại khu phố có từ 700 hộ gia đình trở lên, thôn, ấp có từ 500 hộ gia đình trở lên, xã Thạnh An và đặc khu Côn Đảo; mức hỗ trợ 0,4 đối với các địa bàn còn lại (trang 2). Trong khi đó, điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số quy định: Mức 0,5 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; các thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định; các tổ dân phố, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên. Vì vậy, đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét rà soát và điều chỉnh lại cho phù hợp. | **Không tiếp thu ý kiến góp ý:**<br>+ Căn cứ khoản 2 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"2. Cộng tác viên dân số được hưởng thù lao hằng tháng theo mức lương cơ sở như sau:*<br>*a) Mức 0,5 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại: Các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; các thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định; các tổ dân phố, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên;*<br>*b) Mức 0,4 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các địa bàn còn lại."*<br>+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: *"a) Ở thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: Thôn phải có từ 500 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố phải có từ 700 hộ gia đình trở lên;"*<br>+ Căn cứ khoản 4 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 quy định:<br>*"4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một* |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | *cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau."*<br>Từ đó đề xuất xây dựng mức thù lao 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng và 0,4 lần mức lương cơ sở/người/thángđối với cộng tác viên tùy thuộc vào số hộ gia đình quản lý theo quy định. |
| | | + Đề nghị đơn vị soạn thảo sửa các cụm từ tại trang 2 dự thảo Nghị quyết "đối cộng tác viên", "500 gia đình", "cộng tác dân số" tương ứng thành "đối với cộng tác viên", "500 hộ gia đình", "cộng tác viên dân số".<br>+ Đề nghị đơn vị soạn thảo thống nhất thuật ngữ "thù lao hằng tháng" thay cho "hỗ trợ hằng tháng" (điểm b khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết). | **Tiếp thu ý kiến góp ý,** thực hiện rà soát điều chỉnh |
| - Chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con<br>- Chính sách tài chính khi thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn | MTTQ Thành phố (Công văn số 2904/MTTQ-BTT ngày 05/11/2026) | **1. Về chính sách hỗ trợ tài chính cho phụ nữ khi sinh con (khoản 1 Điều 2)**<br>- Tờ trình xác định điều kiện hưởng là "phụ nữ cư trú, sinh con và đăng ký khai sinh trên địa bàn Thành phố", trong khi dự thảo Nghị quyết chỉ ghi "sinh con và đăng ký khai sinh trên địa bàn". Đề nghị thống nhất; đồng thời không nên đặt<br>điều kiện về nơi sinh (cơ sở y tế) vì nhiều phụ nữ cư trú tại Thành phố có thể sinh con tại địa phương khác. Điều kiện "đăng ký khai sinh trên địa bàn" cũng cần được đánh giá tương thích với Luật Hộ tịch số 03/2026/QH16 (có hiệu lực từ 01/3/2027) mà Báo cáo đánh giá tác động đã dẫn, tránh trường hợp phụ nữ cư trú tại Thành phố nhưng đăng ký khai sinh tại nơi cư trú của người cha bị mất quyền thụ hưởng.<br>- Điểm b khoản 1 Điều 2 ghi "hỗ trợ cho phụ nữ trong tất cả các lần sinh" mà không nêu đối tượng gốc theo điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP là "phụ nữ ở tỉnh, thành phố có mức sinh dưới mức sinh thay thế". Đề nghị bổ sung căn cứ xác định đối tượng này và dự liệu cơ chế điều chỉnh khi Thành phố không còn thuộc nhóm có mức sinh dưới mức sinh thay thế theo công bố của cơ quan có thẩm quyền. Điểm a cần dẫn chiếu danh mục dân tộc thiểu số rất ít người do cơ quan có thẩm quyền ban hành để cấp xã có căn cứ xác định. | **Tiếp thu ý kiến góp ý:** Đã tiếp thu và điều chỉnh trong dự thảo lần 2.<br>Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP: Định kỳ Cơ quan Thống kê Trung ương công bố tình trạng mức sinh theo tỉnh, thành phố tại thời điểm công bố Niên giám thống kê quốc gia hằng năm; công bố dân số theo dân tộc thiểu số trên lãnh thổ Việt Nam chu kỳ 05 năm một lần vào quý II của các năm có số cuối là 5 và 0 để các tỉnh, thành phố xây dựng, thực hiện các chính sách khuyến khích phù hợp để duy trì mức sinh thay thế. |
| | | **2. Về chính sách hỗ trợ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn (khoản 3 Điều 2)**<br>- Đối tượng ghi là "thanh niên nam, nữ". Theo Luật Thanh niên, thanh niên là người từ đủ 16 đến 30 tuổi; quy định như dự thảo sẽ | **Tiếp thu các ý kiến góp ý** của Ủy ban MTTQ Việt Nam tại Công văn số 2194/MTTQ-BTT ngày 07/9/2026: Đơn vị soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết theo hướng sử dụng thuật ngữ "nam, nữ" thay cho "thanh niên nam, nữ", bảo |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | loại trừ người trên 30 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội khi kết hôn. Điều 20 Luật Dân số dùng<br>"nam, nữ". Đề nghị dùng "nam, nữ" cho phù hợp luật và mục tiêu chính sách.<br>- Đề nghị làm rõ các điều kiện: cặp nam, nữ chỉ cần một bên hay cả hai bên thuộc đối tượng; có áp dụng đối với trường hợp kết hôn lần thứ hai trở đi; thời hạn hợp lệ của giấy xác nhận hoàn thành tư vấn, khám sức khỏe trước thời điểm đăng ký kết hôn; cơ sở khám (công lập hay cả ngoài công lập). Cần dẫn chiếu văn bản xác định "đối tượng bảo trợ xã hội" và "xã đảo".<br>- Về phương thức hỗ trợ: chi trả một lần bằng tiền tại thời điểm đăng ký kết hôn đồng nghĩa người thuộc hộ nghèo, cận nghèo phải tự ứng trước khoảng 1,5 triệu đồng chi phí khám, trong khi Báo cáo đánh giá tác động xác định rào cản chính là áp lực chi phí. Đề nghị cân nhắc bổ sung phương thức thanh toán trực tiếp cho cơ sở y tế công lập thực hiện dịch vụ (miễn thu đối với đối tượng), để chính sách thực sự tiếp cận được nhóm yếu thế.<br>- Mức 1.600.000 đồng/cặp được xây dựng trên gói dịch vụ khám sức khỏe tổng thể và sức khỏe sinh sản theo giá tại Nghị quyết số 399/NQ-HĐND, chưa gồm nội dung khám sức khỏe di truyền và sàng lọc thalassemia theo Quyết định<br>số 3472/QĐ-BYT. Đề nghị thuyết minh rõ phạm vi gói dịch vụ được hỗ trợ và cơ chế điều chỉnh khi giá dịch vụ thay đổi. Số liệu dự toán (800 cặp, 2% tổng số cặp kết hôn) cần nêu nguồn hoặc phương pháp ước tính.<br>- Đề nghị rà soát toàn bộ hồ sơ để bảo đảm thống nhất giữa dự thảo Nghị quyết, Tờ trình, Báo cáo đánh giá tác động và Bản so sánh về điều kiện thụ hưởng, thuật ngữ và cấu trúc các điều khoản; hoàn thiện các trường thông tin còn để trống (số, ngày văn bản, đường dẫn đăng tải, kỳ họp). | đảm không giới hạn độ tuổi đối với các đối tượng thuộc diện được hỗ trợ.<br><br>Đồng thời, bổ sung, làm rõ điều kiện thụ hưởng chính sách trong trường hợp một trong hai bên nam, nữ thuộc đối tượng được hỗ trợ; không phân biệt kết hôn lần đầu hay kết hôn từ lần thứ hai trở đi.<br><br>Về phương thức hỗ trợ, thống nhất với ý kiến đề xuất thanh toán trực tiếp cho cơ sở y tế thực hiện dịch vụ nhằm giảm gánh nặng chi phí ban đầu cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và các nhóm đối tượng yếu thế, bảo đảm chính sách được tiếp cận thực chất.<br><br>Đối với mức hỗ trợ tối đa 2.000.000 đồng/cặp, đã thuyết minh rõ cơ sở xác định mức hỗ trợ, phạm vi dịch vụ chuyên môn được thanh toán, trong đó làm rõ nội dung khám sức khỏe tổng thể, sức khỏe sinh sản, tư vấn và sàng lọc bệnh di truyền theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ trưởng Bộ Y tế; đồng thời rà soát cơ chế điều chỉnh khi giá dịch vụ thay đổi.<br><br>Đối với số lượng dự kiến 1000 cặp, tương ứng 2% tổng số cặp kết hôn, đã bổ sung nguồn số liệu, phương pháp ước tính và căn cứ lập dự toán kinh phí.<br><br>Ngoài ra, đã rà soát, chỉnh lý toàn bộ hồ sơ dự thảo Nghị quyết, Tờ trình, Báo cáo đánh giá tác động và Bản so sánh, bảo đảm thống nhất về đối tượng, điều kiện thụ hưởng, thuật ngữ, mức hỗ trợ, phương thức thanh toán để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. |
| | Sở Khoa học và Công nghệ<br>(Công văn số 12194/SKHCN-KTPC ngày 05/11/2026) | **1.** Tại dự thảo hồ sơ của Sở Y tế không đề cập đến việc Nghị quyết có quy định liên quan đến ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; dự thảo hồ sơ không có Bản đánh giá việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đính kèm. Do đó, Sở Khoa học và Công nghệ chưa có cơ sở có ý kiến đối với nội dung này. Trường hợp, Sở Y tế xác định dự thảo Nghị quyết có quy định nội dung liên quan đến ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đề nghị Sở Y tế bổ sung Bản đánh giá theo mẫu số 06-Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy<br>phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật gửi về Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến theo quy định.<br>**2.** Việc phân tích, đánh giá, cơ sở tham mưu đề xuất hồ sơ xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chính sách hỗ trợ thực hiện công tác dân số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thuộc chức năng quản lý chuyên ngành của Sở Y tế. Do đó, đề nghị Sở Y tế phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Nghị quyết phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố và quy định của pháp luật. | |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | Sở Tài chính<br>(Công văn số 33202/STC-ĐP ngày 06/11/2026) | **1. Về chính sách hỗ trợ thực hiện công tác dân số**<br>Theo đó, Sở Tài chính đề nghị Sở Y tế rà soát đối tượng và nguồn kinh phí chi trả cho cộng tác viên dân số quy định tại khoản 3 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết và cộng tác viên dân số khi tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 38/2026/NQ-HĐND có trùng lặp và có được nhận hỗ trợ đồng thời hay không để các địa phương có căn cứ pháp lý khi thực hiện chi trả chế độ chính sách cho cộng tác viên. | **Tiếp thu ý kiến góp ý:**<br>- Đối tượng Cộng tác viên tại dự thảo Nghị quyết và Nghị quyết số 38/2026/NQ-HĐND là trùng nhau.<br>- Tuy nhiên việc nhận hỗ trợ đồng thời là có cơ sở<br>Căn cứ khoản 4 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"4. Nhân viên y tế thôn, bản hoặc các cộng tác viên khác trên địa bàn kiêm cộng tác viên dân số được hưởng thù lao hằng tháng đối với nhiệm vụ kiêm nhiệm theo thỏa thuận trong hợp đồng ký kết giữa các bên, mức thù lao kiêm nhiệm không vượt quá mức thù lao hằng tháng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này."* |
| | | **2. Về nguồn kinh phí thực hiện**<br>Nguồn kinh phí hỗ trợ tài chính khi sinh con và kinh phí chi trả thù lao cho cộng tác viên dân số được quy định tại Nghị định số 168/2026/NĐ-CP do ngân sách địa phương bảo đảm. Đối với nội dung "2. Các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật" tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết, đề nghị Sở Y tế thuyết minh làm rõ cơ sở xây dựng và sử dụng nguồn kinh phí này chi trả cho nội dung chính sách cụ thể nào trong dự thảo Nghị quyết. | **Tiếp thu ý kiến góp ý:** Điều chỉnh nguồn kinh phí thực hiện: "Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành." |
| - Chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con<br>- Chính sách tài chính khi thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn | Sở Tư pháp<br>(Công văn số 14969/STP-VB ngày 13/11/2026) | **3.1. Về chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con và trình tự, thủ tục thực hiện việc hỗ trợ tài chính**<br>Tại dự thảo Tờ trình Ủy ban nhân dân Thành phố, bản so sánh thuyết minh nội dung dự thảo, Sở Y tế chưa viện dẫn các cơ sở pháp lý nêu trên để thuyết minh, xác định Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm | **Tiếp thu ý kiến góp ý,** thực hiện rà soát bổ sung căn cứ pháp lý |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | quyền quy định mức hỗ trợ đối với trường hợp phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi.<br>Đề nghị Sở Y tế bổ sung đầy đủ các cơ sở pháp lý nêu trên vào hồ sơ trình dự thảo Nghị quyết. | |
| | | **3.2. Về hỗ trợ tài chính khi thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ trưởng Bộ Y tế**<br><br>Khoản 2 Điều 2 dự thảo quy định như sau:<br><br>*"2. Mức hỗ trợ tài chính khi thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ trưởng Bộ Y tế*<br><br>*a) Nam hoặc nữ thường trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng theo quy định; người cư trú tại xã Thạnh An và đặc khu Côn Đảo **được miễn chi phí** tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại các cơ sở y tế."*<br><br>Về quy định trên, Sở Tư pháp nhận thấy Điều 20 Luật Dân số năm 2026 quy định:<br><br>*"Điều 20. Tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn*<br><br>*1. Khuyến khích nam, nữ chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn và khám sức khoẻ trước khi kết hôn theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ trưởng Bộ Y tế.*<br><br>*2. Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và khả năng cân đối ngân sách nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định việc **hỗ trợ kinh phí tư vấn** và khám sức khỏe trước khi kết hôn."*<br><br>Sở Tư pháp nhận thấy nội dung, quy trình thực hiện các công tác liên quan đến việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo hình thức miễn (không thu) và hỗ trợ (thanh loại lại bằng hình thức phù hợp) là khác nhau; đồng thời, để đảm bảo **thống nhất, phù hợp** với quy định tại Điều 20 Luật Dân số năm 2026, đề nghị Sở Y tế điều chỉnh nội dung *"... được **miễn** chi phí"* tại khoản 2 Điều 2 dự thảo thành *"được **hỗ trợ** kinh phí tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn tại các cơ sở y tế."*. | **1. Về hình thức hỗ trợ: "Miễn chi phí" hay "Hỗ trợ kinh phí"**<br>**Tiếp thu ý kiến góp ý** của Sở Tư pháp, thống nhất điều chỉnh hình thức thực hiện chính sách từ "miễn chi phí" thành "hỗ trợ kinh phí.". Việc điều chỉnh này nhằm bảo đảm thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Dân số số 113/2025/QH15; đồng thời xác định rõ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách địa phương, phương thức thanh toán và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan.<br>**2. Về cách thức hỗ trợ: Theo cặp nam, nữ hay theo từng cá nhân?**<br>Tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp<br>Do đó, đề xuất xác định:<br>- Đối tượng thụ hưởng chính sách được xác định theo một trong hai nam hoặc nữ đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị quyết.<br>- Không bắt buộc nam và nữ phải cùng thực hiện tư vấn, khám sức khỏe tại một thời điểm hoặc cùng một cơ sở y tế.<br>- Trường hợp hai người thực hiện tại hai thời điểm khác nhau hoặc hai cơ sở y tế khác nhau vẫn được xem xét hỗ trợ nếu đáp ứng điều kiện thụ hưởng.<br>- Trường hợp chỉ một người thuộc đối tượng được hưởng chính sách và thực hiện tư vấn, khám sức khỏe thì người đó vẫn được xem xét hỗ trợ theo chi phí thực tế phát sinh.<br>- Trường hợp cả hai người đều đủ điều kiện thì được xem xét hỗ trợ chi phí thực tế của cả hai người, tổng mức hỗ trợ không vượt quá mức tối đa 2.000.000 đồng/cặp.<br>**3. Về trình tự, thủ tục, hồ sơ và thời hạn giải quyết**<br>**Tiếp thu ý kiến góp ý** của Sở Tư pháp, thống nhất cần quy định rõ nguyên tắc, trách nhiệm và phương thức thanh toán để bảo đảm khả năng triển khai chính sách sau khi Nghị quyết được ban hành.<br>Tuy nhiên, xét tính chất của chính sách, đề xuất không quy định quá chi tiết các bước xử lý hồ sơ nghiệp vụ trong Nghị quyết mà tập trung quy định các nội dung cơ bản: |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | Bên cạnh đó, về cách thức, số lần chi, khoản 2 Điều 2 dự thảo quy định như sau:<br><br>*"2. Mức hỗ trợ tài chính khi thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ trưởng Bộ Y tế*<br><br>...<br><br>*b) Mức hỗ trợ tài chính khi thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn được thanh toán thực tế nhưng tối đa không vượt quá **1.600.000 đồng/cặp** (một triệu sáu trăm ngàn đồng).*<br><br>...<br><br>*Mức hỗ trợ trên được chi trả trực tiếp cho cơ sở y tế khi thực hiện các kỹ thuật chuyên môn."*<br><br>Đối với quy định trên, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:<br><br>- Về mức chi: Sở Y tế xác định tối đa không vượt quá 1.600.000 **đồng/cặp** với nội dung được hỗ trợ là tư vấn và khám sức khỏe **trước khi kết hôn**.<br><br>- Về số lần hỗ trợ: dự thảo không giới hạn.<br><br>Với quy định trên, để đảm bảo việc triển khai thống nhất, đồng bộ sau khi Nghị quyết được ban hành, đề nghị Sở Y tế xác định, làm rõ các nội dung sau:<br><br>**(1)** Nội dung hỗ trợ nêu trên đã được Sở Y tế đề xuất tương đối cụ thể về đối tượng, mức hỗ trợ, điều kiện áp dụng; tuy nhiên, các quy định về trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ chưa được thể hiện đầy đủ, cụ thể; chưa xác định rõ cách thức đề nghị hỗ trợ, thành phần hồ sơ, tài liệu minh chứng cần cung cấp, thời hạn tiếp nhận, giải quyết; yêu cầu, điều kiện của thủ tục, như: có bắt buộc nam và nữ (hai đối tượng dự kiến sẽ kết hôn với nhau) phải cùng đồng ý thực hiện tư vấn và khám sức khỏe cùng lúc không (vì mức hỗ trợ đang đề xuất theo cặp); trường hợp cùng đồng ý thực hiện tư vấn và khám sức khỏe nhưng người nam và nữ thực hiện tại các thời điểm khác nhau, cơ sở y tế khác nhau thì có được hỗ trợ không; bên cạnh đó, nếu chỉ một người (nam hoặc nữ) đồng ý thực hiện tư vấn và khám sức khỏe thì có được hỗ trợ không, mức hỗ trợ là bao nhiêu, có đương nhiên được hiểu là 800.000 đồng/người không (vì dự thảo đề xuất 1.600.000 đồng/cặp nam, nữ) ... | - Người thuộc đối tượng thụ hưởng thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn tại cơ sở y tế đủ điều kiện thực hiện theo quy định. Cơ sở y tế thực hiện tư vấn, khám sức khỏe và lập hóa đơn, chứng từ hợp pháp đối với các dịch vụ thực tế đã thực hiện.<br>- Người đề nghị hỗ trợ cung cấp giấy tờ hoặc thông tin xác định thuộc đối tượng được hưởng chính sách theo quy định.<br>- Cơ sở y tế tổng hợp hồ sơ, chứng từ đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ theo quy định về ngân sách nhà nước.<br>- Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra đối tượng, nội dung dịch vụ, mức chi và thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định.<br>*Đối với thành phần hồ sơ, thời hạn tiếp nhận, giải quyết và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, Sở Y tế tham mưu UBND Thành phố hướng dẫn tổ chức thực hiện thống nhất, bảo đảm không đặt thêm điều kiện ngoài quy định của Nghị quyết.*<br>*Tiếp thu; bổ sung nguyên tắc thực hiện, trách nhiệm và phương thức thanh toán; giao UBND Thành phố hướng dẫn chi tiết.*<br>**4. Về việc giới hạn số lần hỗ trợ**<br>Riêng đối với nội dung này, Sở Y tế có ý kiến giải trình như sau: Nội dung Nghị quyết quy định không bị giới hạn bởi số lần đăng ký kết hôn.<br>*Sở Y tế tham mưu UBND Thành phố hướng dẫn tổ chức thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn Thành phố.* |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | Do đó, đề nghị Sở Y tế nghiên cứu, cân nhắc tính cần thiết của việc bổ sung các nội dung về trình tự, thủ tục đề nghị trợ vào dự thảo Nghị quyết, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và thuận lợi trong tổ chức thực hiện. Trường hợp, Sở Y tế xác định các chính sách tại dự thảo không cần quy định thêm trình tự thực hiện, đề nghị Sở Y tế chịu trách nhiệm bảo đảm không làm phát sinh khó khăn, vướng mắc, chồng chéo hoặc khoảng trống trong quá trình tổ chức thực hiện.<br><br>**(2)** Dự thảo hiện nay không khống chế số lần được hỗ trợ. Vì vậy, đối với những trường hợp đã được hỗ trợ nhưng không thực hiện việc kết hôn với người còn lại và sau đó tiếp tục tư vấn và khám sức khỏe với người khác; hoặc đối với các trường hợp tái hôn thì có được hỗ trợ không.<br><br>Từ những cơ sở nêu trên, đề nghị Sở Y tế nghiên cứu, xem xét, xác định có khống chế số lần hỗ trợ không; xem xét việc đề xuất mức hỗ trợ cho từng người hoặc cho cặp nam, nữ đảm bảo tính khả thi, thuận tiện cho quá trình triển khai Nghị quyết sau khi được ban hành. | |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | BHXH Thành phố (Công văn số 881/BHXH-CĐBHYT ngày 11/11/2026) | 1. Về chính sách hỗ trợ đóng BHYT cho cộng tác viên dân số<br>Dự thảo Nghị quyết bãi bỏ chính sách hỗ trợ 100% mức đóng BHYT đối với cộng tác viên dân số theo Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND.<br>Đề nghị xem xét, đánh giá tác động của việc bãi bỏ chính sách đối với cộng tác viên dân số đang được ngân sách hỗ trợ đóng BHYT; đồng thời nghiên cứu cơ sở pháp lý để tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.<br>2. Về chính sách BHXH, BHYT đối với cộng tác viên dân số tại khoản 3 Điều 2<br>Đề nghị bổ sung nội dung giao cơ quan quản lý rà soát, xác định đối tượng tham gia BHXH, BHYT đối với cộng tác viên dân số theo quy định của pháp luật hiện hành, căn cứ tính chất công việc, hình thức hợp đồng và các điều kiện tham gia bảo hiểm. | **Không tiếp thu ý kiến góp ý:** Căn cứ Công văn số 11514/STP-VB ngày 08/9/2026 của Sở Tư pháp về việc góp ý dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thực hiện công tác dân số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh<br>Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và khoản 1 Điều 3 Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật:<br>*"1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:*<br>*a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên"*<br>Căn cứ khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP quy định: *"Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này."*<br>Dự thảo Nghị quyết đang xây dựng theo chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, theo đó, khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP chỉ giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số; không giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các chế độ khác đối với cộng tác viên dân số. Tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp, do đó chính sách hỗ trợ 100% mức đóng cho cộng tác viên dân số khi tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện được lược bỏ không xây dựng trong dự thảo Nghị quyết. |
| | | 3. Về chính sách hỗ trợ khám sức khỏe trước khi kết hôn tại khoản 2 Điều 2 Đề nghị bổ sung nguyên tắc xác định phạm vi dịch vụ, nguồn kinh phí và trách nhiệm thanh toán; trong đó quy định rõ kinh phí hỗ trợ từ ngân sách địa phương không thanh toán trùng với các khoản chi đã được quỹ BHYT hoặc nguồn kinh phí hợp pháp khác thanh toán theo quy định.<br>Đồng thời, đề nghị Sở Y tế hướng dẫn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh lập hồ sơ, chứng từ và hạch toán riêng các khoản kinh phí hỗ trợ. | **Tiếp thu ý kiến góp ý**<br>Kinh phí hỗ trợ được bảo đảm từ ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước; chỉ thanh toán đối với các dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn thuộc phạm vi chính sách và chi phí thực tế chưa được quỹ bảo hiểm y tế hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác thanh toán, bảo đảm không thanh toán trùng lặp.<br>Sở Y tế sẽ hướng dẫn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện việc lập hồ sơ, chứng từ, theo dõi và hạch toán riêng các khoản kinh phí hỗ trợ, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng nội dung và đúng quy định. |
| | | 4. Về mức thù lao cộng tác viên dân số tại điểm b khoản 3 Điều 2 Đề nghị rà soát quy định về quy mô hộ gia đình áp dụng mức thù lao hệ số 0,5 cho cộng tác viên dân số để bảo đảm thống nhất với khoản 2 và khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP. | **Không tiếp thu ý kiến góp ý:**<br>+ Căn cứ khoản 2 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"2. Cộng tác viên dân số được hưởng thù lao hằng tháng theo mức lương cơ sở như sau:*<br>*a) Mức 0,5 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại: Các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; các thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định; các tổ dân phố, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên;*<br>*b) Mức 0,4 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các địa bàn còn lại."*<br>+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: *"a) Ở thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: Thôn phải có từ 500 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố phải có từ 700 hộ gia đình trở lên;"*<br>Từ đó đề xuất xây dựng mức thù lao 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng và 0,4 lần mức lương cơ sở/người/tháng đối |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | với cộng tác viên tùy thuộc vào số hộ gia đình quản lý theo quy định. |
| | | 5. Về điều khoản chuyển tiếp tại Điều 6<br>Đề nghị bổ sung quy định chuyển tiếp đối với cộng tác viên dân số đang được hỗ trợ đóng BHYT theo Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND, bảo đảm xử lý đầy đủ các khoản hỗ trợ đã phát sinh và quyền lợi của người tham gia trước thời điểm Nghị quyết mới có hiệu lực. | **Không tiếp thu ý kiến góp ý:**<br>Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định như sau:<br>*"Điều 53. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật*<br>...<br>*2. Văn bản quy định chi tiết phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản giao quy định chi tiết hoặc thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao quy định chi tiết.*<br>...<br>*Điều 55. Hiệu lực trở về trước của văn bản quy phạm pháp luật*<br>*1. Chỉ trong trường hợp thật cần thiết để bảo đảm lợi ích chung của xã hội, thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội thì văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mới được quy định hiệu lực trở về trước."*. Do đó, không thực hiện việc chuyển tiếp. |
| - Chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con<br>- Chính sách tài chính khi thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn<br>- Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | Sở An toàn thực phẩm (Công văn số 7608/SATTP-KTPC ngày 12/11/2026) | 1. Về mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số (điểm b khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết)<br>Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh ngưỡng số hộ gia đình tại điểm b khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết, bảo đảm mức thù lao không thấp hơn quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; Đồng thời làm rõ việc áp dụng ngưỡng số hộ gia đình của "thôn" đối với "ấp", do dự thảo đang quy định chung một ngưỡng cho "thôn, ấp". | **Không tiếp thu ý kiến góp ý:**<br>+ Căn cứ khoản 2 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"2. Cộng tác viên dân số được hưởng thù lao hằng tháng theo mức lương cơ sở như sau:*<br>*a) Mức 0,5 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại: Các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; các thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định; các tổ dân phố, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên;*<br>*b) Mức 0,4 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các địa bàn còn lại."*<br>+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: *"a) Ở thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: Thôn phải có từ 500 hộ gia đình trở lên,* |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | *tổ dân phố phải có từ 700 hộ gia đình trở lên;"*<br>+ Căn cứ khoản 4 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 quy định:<br>*"4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau."*<br>Từ đó đề xuất xây dựng mức thù lao 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng và 0,4 lần mức lương cơ sở/người/tháng đối với cộng tác viên tùy thuộc vào số hộ gia đình quản lý theo quy định.<br>**Không tiếp thu ý kiến góp ý:**<br>Căn cứ khoản 1 Điều 2 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định:<br>*"Điều 2. Thôn, tổ dân phố*<br>*1. Thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc... (gọi chung là thôn); tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu... (gọi chung là tổ dân phố)."*<br>+ Căn cứ khoản 2 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"2. Cộng tác viên dân số được hưởng thù lao hằng tháng theo mức lương cơ sở như sau:*<br>*a) Mức 0,5 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại: Các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; các thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định; các tổ dân phố, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên;*<br>*b) Mức 0,4 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các địa bàn còn lại."*<br>Dựa trên quy định trên việc quy định thôn, ấp chung ngưỡng là có cơ sở |
| | | 2. Về điều kiện và mức hỗ trợ tài chính khi sinh con (khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết)<br>a) Dự thảo Nghị quyết quy định điều kiện chung "cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh" tại điểm a khoản 2 Điều 1, nhưng khoản 1 Điều 2 chưa quy định điều kiện về nơi đăng ký khai sinh. Trong khi đó, hồ sơ dự thảo diễn đạt điều kiện này theo các cách khác nhau: "đăng ký khai sinh cho con trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh" (Dự thảo Tờ trình, tiểu mục 3.1.3); "phụ nữ thường trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh" (Dự thảo Tờ trình, tiểu mục 4.1); "phụ nữ cư trú, sinh con và đăng ký khai sinh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí | - **Tiếp thu ý kiến góp ý:** Quy định về điều kiện hưởng sẽ điều chỉnh thống nhất trong hồ sơ dự thảo. Quy định rõ điều kiện cư trú đối với phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi.<br>+ Điều kiện cư trú: Tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Luật số118/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến an ninh, trật tự quy định: *"Cư trú là việc công dân sinh sống tại một địa điểm thuộc đơn vị hành chính cấp xã".*<br>+Tại khoản 1 Điều 19 của Luật Cư trú, được quy định tại khoản 1, 2 Điều 11 của Luật Cư trú số 68/2020/QH14*: Nơi* |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | Minh" (Bản so sánh). Do khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ thông tin từ hệ thống liên thông thủ tục đăng ký khai sinh và các cơ sở dữ liệu để quyết định hỗ trợ kinh phí, thực hiện chi trả cùng với thời điểm đăng ký khai sinh, đề nghị cơ quan soạn thảo xác định một điều kiện thống nhất, quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết và thống nhất với Dự thảo Tờ trình.<br>b) Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP quy định mức hỗ trợ tài chính tối thiểu là 2.000.000 đồng/phụ nữ khi sinh con thuộc các trường hợp tại khoản này, trong đó có phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi; phụ nữ khi sinh con đồng thời thuộc các trường hợp tại điểm a, b và điểm c khoản 1 Điều 3 thì được hưởng một mức hỗ trợ. Điểm a khoản 3 Điều 14 Luật Dân số số 113/2025/QH15 giao chính quyền địa phương cấp tỉnh quy định mức hỗ trợ cao hơn mức hỗ trợ do Chính phủ quy định. Dự thảo Nghị quyết chưa xác định mức 5.000.000 đồng là mức hỗ trợ cao hơn, thay cho mức hỗ trợ theo điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, hay là khoản hỗ trợ thêm. Đề nghị quy định rõ nội dung này để tránh chi trùng; đồng thời thống nhất cách ghi "một lần" tại điểm a khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết với cách ghi "5.000.000 đồng/phụ nữ/lần sinh" tại Dự thảo Tờ trình (tiểu mục 4.1) | *cư trú* của công dân bao gồm nơi thường trú, nơi tạm trú. Trường hợp không xác định được nơi thường trú, nơi tạm trú thì nơi cư trú của công dân là nơi ở hiện tại.<br>+ Thời điểm xác định điều kiện cư trú: Tại Khoản 4, Điều 3, của Luật Cư trú số 68/2020/QH14 quy định: *"Thông tin về cư trú phải được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú theo quy định của pháp luật;…".*<br>**Tiếp thu ý kiến góp ý:** Quy định về việc được hưởng một mức cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, nội dung này sẽ được hướng dẫn cụ thể tại hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai Nghị quyết. |
| | | 3. Về hỗ trợ kinh phí tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn (khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết)<br>Điểm a khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định các đối tượng "được miễn chi phí tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại các cơ sở y tế", trong khi điểm b quy định mức hỗ trợ "được thanh toán thực tế nhưng tối đa không vượt quá 1.600.000 đồng/cặp"; hai quy định này cho kết quả khác nhau khi chi phí thực tế vượt mức tối đa. Bên cạnh đó, đơn vị tính theo "cặp" chưa phù hợp với việc xác định đối tượng theo từng người ("nam hoặc nữ"), chưa rõ cách áp dụng khi chỉ một người trong cặp thuộc đối tượng được hỗ trợ; điểm a đồng thời dùng hai điều kiện "thường trú" và "cư trú", chưa thống nhất với điều kiện "cư trú" tại điểm a khoản 2 Điều 1. Đề nghị cơ quan soạn thảo thống nhất bản chất chính sách (miễn chi phí hay hỗ trợ có mức tối đa), đơn vị tính và điều kiện cư trú của đối tượng | **- Tiếp thu ý kiến góp ý**, thống nhất sử dụng cụm từ "được hỗ trợ kinh phí tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn"<br>- Về bản chất chính sách: Thống nhất đây là chính sách hỗ trợ kinh phí tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn theo chi phí thực tế phát sinh, có mức hỗ trợ tối đa 2.000.000 đồng/cặp, không phải miễn toàn bộ chi phí. Do đó, điều chỉnh cụm từ "được miễn chi phí" thành "được hỗ trợ kinh phí" để bảo đảm thống nhất giữa điểm a và điểm b khoản 2 Điều 2.<br>- Về đơn vị tính hỗ trợ: Giữ mức hỗ trợ theo cặp nam, nữ. Trường hợp chỉ một trong hai người đáp ứng điều kiện thuộc đối tượng được hỗ trợ thì cả cặp vẫn được hưởng chính sách, với mức hỗ trợ tối đa 2.000.000 đồng/cặp; trường hợp cả hai người đều đáp ứng điều kiện thì mức hỗ trợ vẫn không vượt quá mức tối đa nêu trên.<br>- Về điều kiện cư trú: Thống nhất sử dụng điều kiện "thường trú" đối với các đối tượng thụ hưởng gồm người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và người cư trú tại xã Thạnh An, đặc khu Côn Đảo, bảo đảm xác định rõ địa bàn và đối tượng được hưởng chính sách. |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | **4. Về kỹ thuật xử lý văn bản tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết**<br>Khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định khoản 2 Điều 2 và khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố "hết hiệu lực" nhưng chưa xác định hình thức xử lý văn bản. Theo khoản 3 và khoản 5 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, văn bản mới phải xác định rõ điều, khoản của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ; việc văn bản hết hiệu lực là hệ quả pháp lý theo điểm b, điểm c khoản 1 Điều 57 Luật này. Đề nghị điều chỉnh khoản 2 Điều 5 theo hướng bãi bỏ (hoặc thay thế) các khoản nêu trên của Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND; khoản 3 Điều 5 viết thành câu quy phạm "Bãi bỏ Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố …". | **Tiếp thu ý kiến góp ý:** Điều chỉnh nội dung:<br>"2. Bãi bỏ khoản 2 Điều 2 và khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.<br>3. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về mức chi bồi dưỡng, hỗ trợ cho cộng tác viên dân số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh." |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | Sở Dân tộc và Tôn giáo (Công văn số 4450/SDTTG-DT ngày 12/11/2026) | Tại điểm b khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị rà soát quy định về quy mô số hộ gia đình áp dụng mức thù lao 0,5 lần mức lương cơ sở đối với cộng tác viên dân số. Theo đó, dự thảo Nghị quyết quy định mức thù lao 0,5 lần mức lương cơ sở đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các khu phố có từ 700 hộ gia đình trở lên và các thôn, ấp có từ 500 hộ gia đình trở lên, tương ứng với tiêu chuẩn quy mô thôn, tổ dân phố tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ. Trong khi đó, điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định mức thù lao 0,5 lần mức lương cơ sở đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên và các tổ dân phố, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên.<br>Do đó, đề nghị Sở Y tế nghiên cứu, rà soát, làm rõ cơ sở áp dụng tiêu chuẩn quy mô thôn, tổ dân phố tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP để xác định mức thù lao đối với cộng tác viên dân số, bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đối tượng thụ hưởng theo quy định | **Không tiếp thu ý kiến góp ý:**<br>+ Căn cứ khoản 2 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"2. Cộng tác viên dân số được hưởng thù lao hằng tháng theo mức lương cơ sở như sau:*<br>*a) Mức 0,5 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại: Các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; các thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định; các tổ dân phố, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên;*<br>*b) Mức 0,4 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các địa bàn còn lại."*<br>+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: *"a) Ở thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: Thôn phải có từ 500 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố phải có từ 700 hộ gia đình trở lên;"*<br>+ Căn cứ khoản 4 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 quy định:<br>*"4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau."*<br>Từ đó đề xuất xây dựng mức thù lao 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng và 0,4 lần mức lương cơ sở/người/thángđối với cộng tác viên tùy thuộc vào số hộ gia đình quản lý theo |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | quy định. |
| | Thanh tra Thành phố (Công văn số 6565/TTTP-P5 ngày 12/11/2026) | **Đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý:**<br>Căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16. | **Không tiếp thu ý kiến góp ý:** Dự thảo Nghị quyết đang xây dựng theo chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành của cơ quan nhà nước cấp trên, theo đó, không căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 |
| - Chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con<br>- Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | UBND Phường Bình Hòa (Công văn số 3171/UBND-VX ngày 04/11/2026) | **1. Về điều kiện cư trú của đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con (khoản 1 Điều 2)**<br>Rà soát, quy định rõ điều kiện cư trú đối với phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi; xác định cụ thể việc áp dụng chính sách đối với người thường trú, tạm trú và thời điểm xác định điều kiện cư trú, bảo đảm thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện tại địa phương. | **Tiếp thu ý kiến góp ý:** Quy định rõ điều kiện cư trú đối với phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi.<br>+ Điều kiện cư trú: Tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Luật số118/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến an ninh, trật tự quy định: *"Cư trú là việc công dân sinh sống tại một địa điểm thuộc đơn vị hành chính cấp xã".*<br>+ Tại khoản 1 Điều 19 của Luật Cư trú, được quy định tại khoản 1, 2 Điều 11 của Luật Cư trú số 68/2020/QH14*: Nơi cư trú*của công dân bao gồm nơi thường trú, nơi tạm trú. Trường hợp không xác định được nơi thường trú, nơi tạm trú thì nơi cư trú của công dân là nơi ở hiện tại.<br>+ Thời điểm xác định điều kiện cư trú: Tại Khoản 4, Điều 3, của Luật Cư trú số 68/2020/QH14 quy định: *"Thông tin về cư trú phải được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú theo quy định của pháp luật;…".* |
| | | **2. Về điều kiện hưởng và trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ tài chính khi sinh con (điểm b khoản 1 Điều 2)**<br>Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ việc áp dụng chính sách đối với trường hợp người mẹ cư trú trên địa bàn Thành phố nhưng đăng ký khai sinh cho con tại địa phương khác; đồng thời quy định hoặc hướng dẫn cụ thể trình tự kiểm tra, xác minh, giải quyết và chi trả đối với trường hợp dữ liệu chưa đầy đủ, chưa đồng bộ hoặc không thể thực hiện chi trả cùng thời điểm đăng ký khai sinh. | **Tiếp thu ý kiến góp ý**: Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ kinh phí khi sinh con áp dụng theo quy định chính sách pháp luật hiện hành, cụ thể:<br>+ Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP: *"Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu căn cứ thông tin từ hệ thống liên thông thủ tục đăng ký khai sinh, cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư, ứng dụng định danh quốc gia (VneiD) và các cơ sở dữ liệu có sẵn để quyết định hỗ trợ kinh phí và thực hiện chi trả cho phụ nữ sinh con theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP cùng với thời điểm đăng ký khai sinh";*<br>+ Khoản 2 Điều 6 Nghị định Nghị định số 301/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất: *"d) Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai sinh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đồng thời xem xét, quyết định việc hỗ trợ tài chính khi sinh con và thực hiện chi trả cho phụ nữ sinh con theo quy định của Pháp luật dân số".*<br>+ Cán bộ hộ tịch xã, phường, đặc khu có nhiệm vụ hướng dẫn người dân thực hiện việc đăng ký hỗ trợ tài chính khi sinh con theo quy định tại Mẫu số 1 Phụ lục Nghị định số 301/2026/NĐ-CP (Trường hợp người dân điền thiếu thông tin yêu cầu nhận hỗ trợ khi thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh, cán bộ hộ tịch cần phản hồi thông tin cho người dân biết về chính sách nhằm thực hiện chính sách cho người dân kịp thời). Việc hỗ trợ tài chính khi sinh con được thực hiện đồng thời với thời điểm đăng ký khai sinh; không đặt ra thêm thành phần hồ sơ, điều kiện, thời hạn hoặc yêu cầu thủ tục ngoài quy định; hạn chế yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã có trong các cơ sở dữ liệu được kết nối, chia sẻ theo quy định.<br>+ Trong trường hợp người dân chưa nhận chính sách vào thời điểm đăng ký khai sinh, hoặc đăng ký khai sinh tại địa phương khác *(chưa nhận chính sách hỗ trợ tương tự)* Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu *(nơi người dân cư trú lúc sinh con)* phân công rà bộ phận phụ trách soát thống kê số lượng, đồng thời căn cứ thông tin từ hệ thống liên thông thủ tục đăng ký khai sinh, cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư, ứng dụng định danh quốc gia (VneiD) và các cơ sở dữ liệu có sẵn để quyết định hỗ trợ kinh phí và thực hiện chi trả cho phụ nữ sinh con theo đúng đối tượng quy định, trường hợp phát sinh yêu cầu xác minh thông tin đối tượng hưởng chính sách (tránh chi trùng), đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu chủ động thực hiện các thủ tục xác minh thông tin, không được phép yêu cầu người dân trực tiếp về nơi cư trú hoặc nơi đăng ký cấp giấy khai sinh xác minh thông tin. |
| | | **3. Về chính sách, chế độ đối với cộng tác viên dân số (khoản 3 Điều 2)**<br>Làm rõ căn cứ xác định số hộ gia đình, thời điểm rà soát và trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong việc xác nhận quy mô hộ gia đình làm cơ sở thực hiện chi trả; đồng thời quy định hoặc hướng dẫn việc điều chỉnh mức hỗ trợ khi có thay đổi về quy mô hộ gia đình, bảo đảm thống nhất, công khai và thuận lợi trong quá trình tổ | **Tiếp thu ý kiến góp ý:**<br>+ Căn cứ khoản 2 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP: *"2. Cộng tác viên dân số được hưởng thù lao hằng tháng theo mức lương cơ sở như sau:*<br>*a) Mức 0,5 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại: Các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo;* |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | chức thực hiện. | *các thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định; các tổ dân phố, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên;*<br>*b) Mức 0,4 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các địa bàn còn lại."*<br>+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: *"a) Ở thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: Thôn phải có từ 500 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố phải có từ 700 hộ gia đình trở lên;"*<br>+ Căn cứ khoản 4 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 quy định:<br>*"4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau."*<br>Từ đó đề xuất xây dựng mức thù lao 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng và 0,4 lần mức lương cơ sở/người/thángđối với cộng tác viên tùy thuộc vào số hộ gia đình quản lý theo quy định.<br>+ Căn cứ khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP: *"Căn cứ tình hình và điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số;…."* |
| | | **4. Về điều khoản chuyển tiếp (Điều 6)**<br>Nghiên cứu, bổ sung hoặc hướng dẫn cụ thể thời hạn tiếp nhận, trình tự giải quyết, trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền và phương thức chi trả đối với các trường hợp chuyển tiếp; đồng thời làm rõ việc áp dụng chính sách đối với trường hợp phát sinh điều kiện hưởng trước ngày 01 tháng 01 năm 2027 nhưng thực hiện đăng ký khai sinh hoặc đề nghị hỗ trợ sau thời điểm này. | Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định: *"Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật*<br>*1. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực.*<br>*2. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi, sự kiện xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật có quy định hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó.".*<br>Theo quy định nêu trên, Nghị quyết số 40/2024/NQ-HĐND được áp dụng đối với hành vi, sự kiện xảy ra tại thời điểm mà Nghị quyết này đang có hiệu lực (từ 21/12/2024 đến ngày 01/9/2025). Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND được áp dụng đối với hành vi, sự kiện xảy ra tại thời điểm mà Nghị quyết này đang có hiệu lực (từ 01/9/2025 đến ngày 01/01/2027).<br>Trong trường hợp người dân chưa nhận chính sách vào thời điểm đăng ký khai sinh, hoặc đăng ký khai sinh tại địa |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | phương khác *(chưa nhận chính sách hỗ trợ tương tự)* Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu *(nơi người dân cư trú lúc sinh con)* phân công rà bộ phận phụ trách soát thống kê số lượng, đồng thời căn cứ thông tin từ hệ thống liên thông thủ tục đăng ký khai sinh, cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư, ứng dụng định danh quốc gia (VneiD) và các cơ sở dữ liệu có sẵn để quyết định hỗ trợ kinh phí và thực hiện chi trả cho phụ nữ sinh con theo đúng đối tượng quy định, trường hợp phát sinh yêu cầu xác minh thông tin đối tượng hưởng chính sách (tránh chi trùng), đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu chủ động thực hiện các thủ tục xác minh thông tin, không được phép yêu cầu người dân trực tiếp về nơi cư trú hoặc nơi đăng ký cấp giấy khai sinh xác minh thông tin. |
| | | **5. Về nguồn kinh phí và tổ chức thực hiện (Điều 3 và Điều 4)**<br>Hướng dẫn cụ thể cơ chế phân bổ, quản lý và quyết toán kinh phí; trách nhiệm phối hợp giữa cơ quan chuyên môn về dân số, cơ quan tài chính và Ủy ban nhân dân cấp phường trong việc tổng hợp nhu cầu, xác định đối tượng, giải quyết và chi trả các khoản hỗ trợ theo quy định.<br>Đồng thời, đề nghị có hướng dẫn thống nhất về hồ sơ, quy trình thực hiện và chế độ thông tin, báo cáo nhằm bảo đảm việc triển khai chính sách đồng bộ, kịp thời và đúng quy định. | **Ghi nhận ý kiến góp ý:** Nội dung này sẽ được thực hiện trong triển khai Nghị quyết |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | UBND Phường Bà Rịa (Công văn số 6369/UBND-VP ngày 04/11/2026) | Giữ nguyên chính sách hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế tự nguyện đối với cộng tác viên dân số chưa tham gia bảo hiểm y tế theo diện bắt buộc. | **Không tiếp thu ý kiến góp ý:** Căn cứ Công văn số 11514/STP-VB ngày 08/9/2026 của Sở Tư pháp về việc góp ý dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thực hiện công tác dân số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh<br>Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và khoản 1 Điều 3 Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật:<br>*"1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:*<br>*a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên"*<br>Căn cứ khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP quy định: *"Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại* |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | *khoản 2 Điều này."*<br>Dự thảo Nghị quyết đang xây dựng theo chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, theo đó, khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP chỉ giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số; không giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các chế độ khác đối với cộng tác viên dân số. Tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp, do đó chính sách hỗ trợ 100% mức đóng cho cộng tác viên dân số khi tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện được lược bỏ không xây dựng trong dự thảo Nghị quyết. |
| | Văn phòng Sở Y tế (Công văn số 1070/VP ngày 04/11/2026) | 1. Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo thực hiện rà soát và chính sửa lại các lỗi chính tả, lưu ý về thể thức trình bày văn bản đảm bảo theo đúng quy định. | **Tiếp thu ý kiến góp ý:** Thực hiện rà soát, điều chỉnh |
| | | **2.** Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo xem xét tính thống nhất về nội dung và số liệu giữa các văn bản trong hồ sơ dự thảo, cụ thể:<br>**2.1.** Tại khoản 3 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết quy định về Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số chỉ quy định 02 điểm (điểm a và điểm b), không có điểm c.<br>Đề nghị đơn vị chủ trì rà soát, thống nhất nội dung này giữa Dự thảo Nghị quyết và các văn bản thuyết minh kèm theo. | **Tiếp thu ý kiến góp ý:** Thực hiện rà soát, điều chỉnh |
| | | **2.2.** Tại điểm a khoản 1 Điều 2 *Dự thảo Nghị quyết* quy định: *"a) Hỗ trợ một lần bằng tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi"* (áp dụng đối với công dân Việt Nam **cư trú** trên địa bàn Thành phố theo điểm a khoản 2 Điều 1).<br>Tuy nhiên, tại Mục 4.1 (Về hiệu lực thi hành) của *03 Dự thảo Tờ trình* và *Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động* lại trích dẫn nội dung khoản 1 Điều 2 của Dự thảo Nghị quyết là: *"1. Hỗ trợ một lần bằng tiền là 5.000.000 đồng/phụ nữ/lần sinh (năm triệu đồng), cho phụ nữ **thường trú** trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh sinh đủ hai con trước 35 tuổi"*.<br>Đề nghị đơn vị chủ trì rà soát, thống nhất về câu chữ "**cư trú**" hay "**thường trú**" và phạm vi áp dụng giữa Dự thảo Nghị quyết và các văn bản thuyết minh kèm theo. | **Tiếp thu ý kiến góp ý:** Thực hiện rà soát, điều chỉnh |
| | | **2.3.** Tại Mục III của 03 Dự thảo Tờ trình và Bản so sánh, thuyết minh; đơn vị chủ trì đã giải trình việc tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và lược bỏ không đề xuất chính sách hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế tự nguyện cho cộng tác viên dân số trong dự thảo Nghị quyết.<br>Tuy nhiên, tại Mục I.2 (Sự cần thiết ban hành) của Dự thảo Tờ trình trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố và Mục II.1 | **Tiếp thu ý kiến góp ý:** Thực hiện rà soát, điều chỉnh |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | (Mục đích ban hành) của Dự thảo Tờ trình trình Hội đồng nhân dân Thành phố vẫn còn nêu: *"...thông qua các chính sách hỗ trợ về thù lao, **bảo hiểm y tế và các chế độ liên quan**".*<br>Đề nghị đơn vị chủ trì rà soát lại nội dung này để đảm bảo sự thống nhất giữa các văn bản. | |
| | | **2.4.** Tại điểm b khoản 3 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết quy định 02 mức hỗ trợ là **0,5** và **0,4** mức lương cơ sở/người/tháng tùy theo quy mô hộ gia đình và địa bàn.<br>Tuy nhiên, tại Mục II.3.1 của Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động (phần Mục tiêu cụ thể, phần Tác động đối với ngân sách nhà nước và phần Tác động về kinh tế - xã hội) lại diễn đạt là: *"Mức hỗ trợ 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng đối với **toàn bộ** cộng tác viên dân số trên địa bàn Thành phố".*<br>Đề nghị đơn vị chủ trì rà soát lại nội dung này để đảm bảo sự thống nhất giữa các văn bản. | **Tiếp thu ý kiến góp ý:** Thực hiện rà soát, điều chỉnh |
| | | **2.5.** Thực hiện rà soát lại các số liệu minh chứng giữa các văn bản và phụ lục đính kèm để thống nhất một số liệu xuyên suốt toàn bộ hồ sơ. | **Tiếp thu ý kiến góp ý:** Thực hiện rà soát, điều chỉnh |
| - Chính sách tài chính khi thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn<br>- Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | Phòng Bảo vệ chăm sóc Trẻ em và Bảo trợ xã hội<br>(Công văn số 1003/BVCSTE&BTXH ngày 05/11/2026) | **1.** Thống nhất sử dụng tên gọi **"cộng tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em"** thay cho tên gọi "cộng tác viên dân số" tại toàn bộ hồ sơ dự thảo Nghị quyết<br>**2. Bổ sung thuyết minh về cộng tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em**<br>Đề nghị sử dụng Kế hoạch số 89/KH-UBND làm cơ sở thực tiễn và định hướng tổ chức thực hiện để bổ sung tại các vị trí sau:<br>a) Tờ trình của Sở Y tế: bổ sung tại mục 2 Phần I "Cơ sở thực tiễn" và mục 3 Phần IV "Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số"; cập nhật tương ứng nội dung thuyết minh trong Tờ trình của Ủy ban nhân dân Thành phố trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố.<br>b) Báo cáo đánh giá tác động: bổ sung tại mục 3 Phần II về chính sách đối với cộng tác viên dân số, tập trung vào khối lượng nhiệm vụ kiêm nhiệm, tác động của việc sắp xếp mạng lưới đến công tác trẻ em, điều kiện bảo đảm thực hiện và biện pháp giảm thiểu gián đoạn.<br>c) Bản so sánh, thuyết minh: bổ sung tại mục 1.1, cột thuyết minh đối với nội dung thay thế chính sách cho cộng tác viên dân số theo Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND; làm rõ yêu cầu duy trì mạng lưới thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm theo Kế hoạch số 89/KH-UBND. | **Không tiếp thu ý kiến góp ý:**<br>Căn cứ khoản 1 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP quy định: *"1. Cộng tác viên dân số là người làm công tác dân số ở thôn, bản, khóm, ấp, buôn, bon, làng, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế."*<br>Đồng thời, theo Điều 3 Thông tư số 02/2021/TT-BYT, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số được quy định cụ thể với 11 nội dung về công tác dân số. Trong khi đó, công tác gia đình và trẻ em là nhiệm vụ được phân công kiêm nhiệm, không phải nhiệm vụ chuyên môn chính của cộng tác viên dân số theo các quy định nêu trên.<br>Do đó, việc sử dụng tên gọi "cộng tác viên dân số" là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và cơ sở pháp lý hiện hành; chưa có cơ sở để thay đổi thành tên gọi "cộng tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em" trong hồ sơ dự thảo Nghị quyết. |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | Đề xuất đoạn thuyết minh dùng để bổ sung, điều chỉnh phù hợp từng tài liệu:<br>"Theo Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố, mạng lưới cộng tác viên dân số được định hướng lồng ghép thực hiện công tác dân số, gia đình và trẻ em. Do đó, việc xây dựng chính sách thù lao và sắp xếp mạng lưới cần tính đến khối lượng nhiệm vụ kiêm nhiệm, đặc điểm địa bàn và yêu cầu duy trì hoạt động bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại cộng đồng. Cần đánh giá khả năng đáp ứng nhiệm vụ, bố trí đầu mối phối hợp, tổ chức tập huấn và bàn giao địa bàn để hạn chế nguy cơ bỏ sót trẻ em cần hỗ trợ khi kiện toàn mạng lưới."<br>**3. Đánh giá việc sắp xếp mạng lưới gắn với bảo đảm công tác trẻ em**<br>Đề nghị bổ sung đánh giá tác động của phương án giảm số lượng cộng tác viên đối với khả năng bám sát địa bàn, nắm tình hình trẻ em, phối hợp phát hiện và thông tin kịp thời trường hợp trẻ em có nguy cơ hoặc bị bạo lực, xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Các nội dung này cần gắn với phạm vi nhiệm vụ được giao, năng lực thực tế và cơ chế chuyển thông tin đến đầu mối có trách nhiệm, bảo đảm bí mật thông tin trẻ em.<br>Trong phần điều kiện bảo đảm thi hành, đề nghị làm rõ cơ chế phối hợp giữa Chi cục Dân số, Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bảo trợ xã hội, đơn vị phụ trách công tác gia đình và Ủy ban nhân dân cấp xã; bố trí đầu mối, tập huấn kỹ năng, bàn giao hồ sơ và theo dõi địa bàn khi thay đổi cộng tác viên. Không giao cộng tác viên thay thế người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã trong các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm chuyên môn, thẩm quyền của người này. | |
| | | **4. Rà soát tính thống nhất của chính sách thù lao và số liệu dự toán**<br>a) Khoản 3 Điều 2 dự thảo quy định hai mức 0,5 và 0,4 lần mức lương cơ sở; trong khi mục 3 Phần II Báo cáo đánh giá tác động và các phụ lục kinh phí đang tính mức 0,5 cho toàn bộ 8.165 cộng tác viên. Đề nghị thống nhất phương án chính sách giữa dự thảo Nghị quyết, các Tờ trình, Báo cáo đánh giá tác động, Bản so sánh và hai phụ lục.<br>Đồng thời, đề nghị đối chiếu ngưỡng hộ gia đình tại khoản 3 Điều 2 dự thảo với khoản 2, khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP. Ngưỡng áp dụng mức 0,5 của Nghị định gồm thôn từ 350 hộ, tổ dân phố và khu phố từ 500 hộ; dự thảo đang sử dụng ngưỡng thôn, ấp từ 500 hộ và khu phố từ 700 hộ. Cần phân biệt tiêu chí thành lập | **Không tiếp thu ý kiến góp ý:**<br>+ Căn cứ khoản 2 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"2. Cộng tác viên dân số được hưởng thù lao hằng tháng theo mức lương cơ sở như sau:*<br>*a) Mức 0,5 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại: Các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; các thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định; các tổ dân phố, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên;*<br>*b) Mức 0,4 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các địa bàn còn lại."*<br>+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | đơn vị dân cư với tiêu chí hưởng thù lao để bảo đảm không thấp hơn mức của Trung ương.<br>b) Bản so sánh có nội dung điểm c khoản 3 Điều 2 về phân chia số hộ cho cộng tác viên nhưng bản dự thảo Nghị quyết ngày 28/10/2026 chưa có nội dung tương ứng. Đề nghị rà soát, thống nhất và phân định rõ nội dung thuộc Nghị quyết với nội dung thuộc thẩm quyền quyết định, hướng dẫn tổ chức thực hiện. | chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: *"a) Ở thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: Thôn phải có từ 500 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố phải có từ 700 hộ gia đình trở lên;"*<br>+ Căn cứ khoản 4 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 quy định:<br>*"4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau."*<br>Từ đó đề xuất xây dựng mức thù lao 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng và 0,4 lần mức lương cơ sở/người/thángđối với cộng tác viên tùy thuộc vào số hộ gia đình quản lý theo quy định. |
| | | **5. Làm rõ điều kiện đối tượng được hỗ trợ**<br>a) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, làm rõ đối tượng thụ hưởng chính sách tại điểm a khoản 2. Nội dung dự thảo hiện nay quy định các nhóm đối tượng trong cùng một câu, chưa thể hiện rõ đây là các nhóm đối tượng độc lập hay phải đồng thời đáp ứng các điều kiện về nơi cư trú và hoàn cảnh kinh tế, xã hội.<br>Đề nghị nghiên cứu quy định theo hướng phân thành hai nhóm: (1) Nam hoặc nữ có nơi thường trú trên địa bàn Thành phố thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng theo quy định; (2) Nam hoặc nữ đang cư trú tại xã Thạnh An và đặc khu Côn Đảo. Đồng thời, cần xác định rõ điều kiện cư trú để bảo đảm thống nhất trong quá trình xác định đối tượng và tổ chức thực hiện. | **Tiếp thu ý kiến góp ý:**<br>- Đối tượng được hưởng chính sách được xác định theo hai nhóm độc lập, cụ thể:<br>+ Nhóm thứ nhất: Nam hoặc nữ thường trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc là đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng theo quy định.<br>+ Nhóm thứ hai: Nam hoặc nữ cư trú tại xã Thạnh An và đặc khu Côn Đảo, không phụ thuộc vào điều kiện hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc tình trạng hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng.<br>- Việc xác định hai nhóm đối tượng độc lập nhằm bảo đảm đúng mục tiêu chính sách, không giới hạn đối tượng tại xã Thạnh An và đặc khu Côn Đảo phải đồng thời đáp ứng điều kiện về hoàn cảnh kinh tế.<br>- Đồng thời, đối tượng thụ hưởng được xác định theo từng cá nhân nam hoặc nữ, không yêu cầu cả hai người trong cặp đều phải thuộc đối tượng chính sách mới được xem xét hỗ trợ. |
| | | Đối với điểm b, đề nghị làm rõ mức hỗ trợ tối đa 1.600.000 đồng/cặp được áp dụng trong trường hợp một người hoặc cả hai người trong cặp thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách; xác định nguyên tắc thanh toán tương ứng với số người đủ điều kiện được hỗ trợ, bảo đảm thống nhất với quy định về đối tượng tại điểm a.<br>Đồng thời, đề nghị làm rõ đầu mối đối chiếu thông tin và hồ sơ thanh toán trực tiếp cho cơ sở y tế; ưu tiên sử dụng dữ liệu, danh sách đối tượng do cơ quan có thẩm quyền quản lý, hạn chế yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có. | ***Tiếp thu ý kiến góp ý**<br>Mức hỗ trợ này được xây dựng trên cơ sở dự kiến chi phí thực hiện các dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, đồng thời bảo đảm khả năng cân đối ngân sách Thành phố. Đây là mức hỗ trợ tối đa tính cho một cặp nam, nữ, không phải mức hỗ trợ riêng cho từng người.<br>Do đó, cần làm rõ nguyên tắc áp dụng như sau:<br>Trường hợp trong cặp nam, nữ chỉ có một người đáp ứng đủ điều kiện hưởng chính sách thì Nghị quyết vẫn hỗ trợ chi phí |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn theo chi phí thực tế phát sinh, nhưng không vượt quá mức hỗ trợ tối đa áp dụng đối với một cặp nam, nữ.<br>Trường hợp cả hai người trong cặp nam, nữ đều thuộc đối tượng được hưởng chính sách: thực hiện hỗ trợ chi phí tư vấn và khám sức khỏe cho cả hai người, nhưng tổng mức thanh toán thực tế không vượt quá 2000.000 đồng/cặp.<br>Trường hợp chi phí thực tế thấp hơn mức tối đa thì thanh toán theo chi phí thực tế; không thanh toán vượt quá chi phí dịch vụ đã thực hiện.<br>Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giá gói dịch vụ thì áp dụng theo giá gói dịch vụ được phê duyệt, bảo đảm không vượt quá nguyên tắc hỗ trợ và mức kinh phí được quy định tại Nghị quyết.<br>Việc quy định rõ nguyên tắc trên nhằm tránh cách hiểu mỗi người được hỗ trợ 2000.000 đồng, đồng thời bảo đảm không phát sinh chênh lệch trong việc áp dụng chính sách giữa các cơ sở y tế.<br>**Tiếp thu ý kiến góp ý**<br>*** Về việc xác định đối tượng, hồ sơ thanh toán và phương thức chi trả kinh phí hỗ trợ**<br>- Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý đối tượng phối hợp cung cấp, xác nhận hoặc đối chiếu thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng và tình trạng cư trú theo quy định.<br>- Cơ sở y tế thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn có trách nhiệm kiểm tra thông tin đối tượng thụ hưởng, thực hiện dịch vụ chuyên môn, lập hồ sơ và chứng từ thanh toán theo quy định.<br>- Cơ quan được giao quản lý, sử dụng kinh phí có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp và thực hiện thanh toán trực tiếp cho cơ sở y tế theo quy định về quản lý tài chính, ngân sách.<br>Việc xác minh đối tượng ưu tiên sử dụng thông tin, dữ liệu do cơ quan có thẩm quyền quản lý, hạn chế yêu cầu người dân cung cấp lại giấy tờ, thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu hoặc đã được cơ quan nhà nước xác nhận. |
| | | b) Đối với việc bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND, đề nghị đánh giá riêng tác động của việc dừng hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho cộng tác viên, làm rõ căn cứ, phương án bảo đảm tham gia bảo hiểm y tế theo nhóm đối tượng phù hợp. | **Không tiếp thu ý kiến góp ý:** Căn cứ Công văn số 11514/STP-VB ngày 08/9/2026 của Sở Tư pháp về việc góp ý dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thực hiện công tác dân số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và khoản 1 Điều 3 Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật:<br>*"1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:*<br>*a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên"*<br>Căn cứ khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP quy định: *"Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này."*<br>Dự thảo Nghị quyết đang xây dựng theo chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, theo đó, khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP chỉ giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số; không giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các chế độ khác đối với cộng tác viên dân số. Tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp, do đó chính sách hỗ trợ 100% mức đóng cho cộng tác viên dân số khi tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện được lược bỏ không xây dựng trong dự thảo Nghị quyết. |
| | | Rà soát phần chuyển tiếp và nguồn kinh phí xử lý chênh lệch thù lao giai đoạn từ ngày 01/7/2026 đến ngày 31/12/2026 theo khoản 1 Điều 15 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; không để mốc hiệu lực Nghị quyết mới làm bỏ sót quyền lợi phải giải quyết. | **Không tiếp thu ý kiến góp ý:**<br>Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định như sau:<br>*"Điều 53. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật*<br>...<br>*2. Văn bản quy định chi tiết phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản giao quy định chi tiết hoặc thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao quy định chi tiết.*<br>...<br>*Điều 55. Hiệu lực trở về trước của văn bản quy phạm pháp luật* |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | *1. Chỉ trong trường hợp thật cần thiết để bảo đảm lợi ích chung của xã hội, thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội thì văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mới được quy định hiệu lực trở về trước.".*<br>Do đó, không thực hiện việcchuyển tiếp và nguồn kinh phí xử lý chênh lệch thù lao giai đoạn từ ngày 01/7/2026 đến ngày 31/12/2026. |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | Phòng VHXH Phường Vĩnh Tân<br>(Công văn số 868/VHXH ngày 04/11/2026) | **1. Về số liệu hộ gia đình làm căn cứ phân bổ cộng tác viên dân số**<br>Theo số liệu rà soát thực tế của địa phương, tổng số hộ gia đình trên địa bàn phường Vĩnh Tân hiện nay là **55.664 hộ**, cao hơn số liệu tại Phụ lục dự thảo là 9.549 hộ<br>**2. Về đề xuất điều chỉnh số lượng cộng tác viên dân số**<br>Xem xét điều chỉnh số lượng cộng tác viên dân số dự kiến phân bổ cho phường Vĩnh Tân lên **79** người trên cơ sở quy mô 55.664 hộ gia đình | Đối với các phường, xã, đặc khu có ý kiến về số lượng Cộng tác viên phân bổ cụ thể. Nội dung chính sách chỉ quy định về định mức thù lao.<br>Số lượng cộng tác viên được phân bổ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này.".* Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.<br>Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của phường, xã, đặc khu. |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | Phòng VHXH Phường Cát Lái<br>(Công văn số 818/VHXH ngày 05/11/2026) | **Về số lượng cộng tác viên dân số:**<br>Đề xuất duy trì số lượng 69 cộng tác viên dân số hiện đang hoạt động trên địa bàn phường, nhằm bảo đảm tính ổn định, liên tục và hiệu quả trong công tác dân số tại địa phương. | Đối với các phường, xã, đặc khu có ý kiến về số lượng Cộng tác viên phân bổ cụ thể. Nội dung chính sách chỉ quy định về định mức thù lao.<br>Số lượng cộng tác viên được phân bổ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này.".* Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.<br>Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của phường, xã, đặc khu. |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | Phòng VHXH Phường Bình Thới<br>(Công văn số | Xem xét, đánh giá lại định mức phân bổ. Đề nghị hướng dẫn có tính bù trừ nhân sự giữa các khu phố có quy mô chênh lệch (dưới 700 hộ và trên 700 hộ), duy trì số lượng cộng tác viên dân số phù hợp để | Đối với các phường, xã, đặc khu có ý kiến về số lượng Cộng tác viên phân bổ cụ thể. Nội dung chính sách chỉ quy định về định mức thù lao. |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 2366/VHXH ngày 05/11/2026) | cộng tác viên dân số đảm bảo thực hiện nhiệm vụ (dân số, khám sức khỏe toàn dân, phòng chống bạo lực gia đình, trẻ em) hiện nay. | Số lượng cộng tác viên được phân bổ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này."*. Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.<br>Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của phường, xã, đặc khu. |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | Phòng VHXH Phường Hòa Bình (Công văn số 2095/VHXH ngày 06/11/2026) | Xem xét, đánh giá lại định mức phân bổ cộng tác viên để tạo điều kiện cho phường và cộng tác viên dân số đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ (dân số, khám sức khỏe toàn dân, phòng chống bạo lực gia đình) | Đối với các phường, xã, đặc khu có ý kiến về số lượng Cộng tác viên phân bổ cụ thể. Nội dung chính sách chỉ quy định về định mức thù lao.<br>Số lượng cộng tác viên được phân bổ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này."*. Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.<br>Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của phường, xã, đặc khu. |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | UBND Phường An Nhơn Tây (Công văn số 3756/UBND ngày 06/11/2026) | Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân xã An Nhơn Tây đề xuất số lượng cộng tác viên Dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em của xã An Nhơn Tây là 59 cộng tác viên (tăng 37 Cộng tác viên so với danh sách dự kiến phân bổ số lượng và thù lao cộng tác viên dân số tại theo Nghị định 168/2026/NĐ-CP). | Đối với các phường, xã, đặc khu có ý kiến về số lượng Cộng tác viên phân bổ cụ thể. Nội dung chính sách chỉ quy định về định mức thù lao.<br>Số lượng cộng tác viên được phân bổ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này."*. Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.<br>Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của phường, xã, đặc khu. |
| - Chính sách, chế độ cho | UBND Phường Vũng | Về số lượng cộng tác viên dân số đề nghị sau khi ban hành Nghị | Đối với các phường, xã, đặc khu có ý kiến về số lượng Cộng |

| | | | |
|---|---|---|---|
| cộng tác viên dân số | Tàu<br>(Công văn số 5206/UBND-VHXH ngày 06/11/2026) | quyết, Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giao chỉ tiêu số lượng cộng tác viên dân số cho từng xã, phường, đặc khu để thực hiện thống nhất | tác viên phân bổ cụ thể. Nội dung chính sách chỉ quy định về định mức thù lao.<br>Số lượng cộng tác viên được phân bổ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này."*. Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.<br>Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của phường, xã, đặc khu. |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | UBND Phường Long Phước<br>(Công văn số 4920/UBND-VHXH ngày 09/11/2026) | Xem xét, đề xuất cấp có thẩm quyền duy trì số lượng 49 cộng tác viên dân số hiện đang hoạt động trên địa bàn phường, nhằm bảo đảm tính ổn định, liên tục và hiệu quả trong công tác dân số tại địa phương trong thời gian tới. | Đối với các phường, xã, đặc khu có ý kiến về số lượng Cộng tác viên phân bổ cụ thể. Nội dung chính sách chỉ quy định về định mức thù lao.<br>Số lượng cộng tác viên được phân bổ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này."*. Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.<br>Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của phường, xã, đặc khu. |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | Phòng VHXH Phường Tây Thạnh<br>(Công văn số 2489/VHXH ngày 06/11/2026) | Đề nghị giữ nguyên số lượng cộng tác viên dân số hiện có (107 người). Lý do: Phần lớn lực lượng cộng tác viên dân số là người cao tuổi; ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ được giao trong công tác dân số, các cộng tác viên còn tham gia thực hiện nhiều nhiệm vụ khác tại khu phố. Do đó, nếu giảm số lượng xuống còn 01 cộng tác viên dân số phụ trách 700 hộ gia đình thì khối lượng công việc trên mỗi cộng tác viên sẽ tăng, ảnh hưởng đến khả năng thực hiện nhiệm vụ và không bảo đảm chất lượng, hiệu quả hoạt động công tác dân số tại địa bàn. | Đối với các phường, xã, đặc khu có ý kiến về số lượng Cộng tác viên phân bổ cụ thể. Nội dung chính sách chỉ quy định về định mức thù lao.<br>Số lượng cộng tác viên được phân bổ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này."*. Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.<br>Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | ý của phường, xã, đặc khu. |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | UBND Phường Phú Lâm (Công văn số 2986/UBND-VHXH ngày 09/11/2026) | Đề nghị Sở Y tế xem xét giữ nguyên số lượng hiện có của Ủy ban nhân dân phường Phú Lâm. | Đối với các phường, xã, đặc khu có ý kiến về số lượng Cộng tác viên phân bổ cụ thể. Nội dung chính sách chỉ quy định về định mức thù lao.<br>Số lượng cộng tác viên được phân bổ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này."*. Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.<br>Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của phường, xã, đặc khu. |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | UBND Xã Bình Mỹ (Công văn số 7449/UBND-VHXH ngày 06/11/2026) | - Số lượng dự kiến được phân bổ theo dự thảo là 62 Cộng tác viên;<br>- Số lượng đề nghị điều chỉnh thành: 67 Cộng tác viên | Đối với các phường, xã, đặc khu có ý kiến về số lượng Cộng tác viên phân bổ cụ thể. Nội dung chính sách chỉ quy định về định mức thù lao.<br>Số lượng cộng tác viên được phân bổ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này."*. Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.<br>Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của phường, xã, đặc khu |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | UBND Phường Xuân Hòa (Công văn số 2862/UBND-VHXH ngày 09/11/2026) | Đối với số lượng cộng tác viên dân số dự kiến phân bổ cho phường Xuân Hòa là 21 người, Ủy ban nhân dân phường đề xuất điều chỉnh tăng lên 36 người, tương ứng 02 cộng tác viên dân số/khu phố. | Đối với các phường, xã, đặc khu có ý kiến về số lượng Cộng tác viên phân bổ cụ thể. Nội dung chính sách chỉ quy định về định mức thù lao.<br>Số lượng cộng tác viên được phân bổ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này."*. Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định. |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của phường, xã, đặc khu. |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | UBND Phường Phước Long<br>(Công văn số 2721/UBND-VHXH ngày 10/11/2026) | Cụ thể, đề nghị điều chỉnh nội dung tại điểm b khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết như sau: Mức hỗ trợ 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên, các thôn, ấp có từ 400 hộ gia đình trở lên; xã Thạnh An và đặc khu Côn Đảo. | **Không tiếp thu ý kiến góp ý:**<br>+ Căn cứ khoản 2 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"2. Cộng tác viên dân số được hưởng thù lao hằng tháng theo mức lương cơ sở như sau:*<br>*a) Mức 0,5 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại: Các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; các thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định; các tổ dân phố, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên;*<br>*b) Mức 0,4 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các địa bàn còn lại."*<br>+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: *"a) Ở thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: Thôn phải có từ 500 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố phải có từ 700 hộ gia đình trở lên;"*<br>Từ đó đề xuất xây dựng mức thù lao 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng và 0,4 lần mức lương cơ sở/người/tháng đối với cộng tác viên tùy thuộc vào số hộ gia đình quản lý theo quy định. |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | UBND Phường Tam Bình<br>(Công văn số 3096/UBND-VHXH ngày 10/11/2026) | Đề nghị điều chỉnh nội dung tại điểm b khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết như sau:<br>Mức hỗ trợ 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; các thôn, ấp có từ 300 hộ gia đình trở lên; xã Thạnh An và đặc khu Côn Đảo. | **Không tiếp thu ý kiến góp ý:**<br>+ Căn cứ khoản 2 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"2. Cộng tác viên dân số được hưởng thù lao hằng tháng theo mức lương cơ sở như sau:*<br>*a) Mức 0,5 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại: Các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; các thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định; các tổ dân phố, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên;*<br>*b) Mức 0,4 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các địa bàn còn lại."*<br>+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: *"a) Ở thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: Thôn phải có từ 500 hộ gia đình trở lên,* |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | *tổ dân phố phải có từ 700 hộ gia đình trở lên;"*<br>Từ đó đề xuất xây dựng mức thù lao 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng và 0,4 lần mức lương cơ sở/người/tháng đối với cộng tác viên tùy thuộc vào số hộ gia đình quản lý theo quy định. |
| - Chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con | UBND Phường Phú Nhuận<br>(Công văn số 2316/UBND ngày 09/11/2026) | Về điều kiện cư trú của phụ nữ được hỗ trợ khi sinh đủ hai con trước 35 tuổi:<br>Tại phần phân tích và đề xuất chính sách hỗ trợ khi sinh con, dự thảo sử dụng điều kiện phụ nữ "cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh"; tuy nhiên, tại phần đánh giá về hiệu lực thi hành, nội dung được trích dẫn từ dự thảo Nghị quyết lại<br>quy định phụ nữ "thường trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh".<br>Đề nghị cơ quan soạn thảo thống nhất việc sử dụng thuật ngữ "cư trú", "thường trú" trong dự thảo; đồng thời quy định rõ thời điểm xác định điều kiện cư trú và địa phương có trách nhiệm giải quyết, chi trả hỗ trợ.<br>Thực tế có trường hợp phụ nữ cư trú tại một địa phương khi sinh con thứ hai nhưng sau đó chuyển nơi cư trú; thông tin tra cứu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, ứng dụng VNeID tại thời điểm giải quyết hỗ trợ thể hiện nơi cư trú mới, khác với nơi cư trú tại thời điểm sinh con thứ hai. Do đó, đề nghị hướng dẫn cụ thể việc giải quyết theo nơi cư trú tại thời điểm sinh con thứ hai, nơi cư trú hiện tại hay nơi đăng ký khai sinh cho trẻ; xác định rõ cơ quan chủ trì giải quyết và trách nhiệm phối hợp của các địa phương liên quan.<br>Đồng thời, đề nghị hướng dẫn cách xác minh thông tin cư trú tại thời điểm phát sinh điều kiện hưởng chính sách và đối chiếu tình trạng đã nhận hỗ trợ, bảo đảm không bỏ sót đối tượng, không chi trả trùng và không để người dân phải liên hệ nhiều địa phương. | **- Tiếp thu ý kiến góp ý**: Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ kinh phí khi sinh con áp dụng theo quy định chính sách pháp luật hiện hành, cụ thể:<br>+ Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP: *"Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu căn cứ thông tin từ hệ thống liên thông thủ tục đăng ký khai sinh, cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư, ứng dụng định danh quốc gia (VneiD) và các cơ sở dữ liệu có sẵn để quyết định hỗ trợ kinh phí và thực hiện chi trả cho phụ nữ sinh con theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP cùng với thời điểm đăng ký khai sinh";*<br>+ Khoản 2 Điều 6 Nghị định Nghị định số 301/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất: *"d) Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai sinh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đồng thời xem xét, quyết định việc hỗ trợ tài chính khi sinh con và thực hiện chi trả cho phụ nữ sinh con theo quy định của Pháp luật dân số".*<br>+ Cán bộ hộ tịch xã, phường, đặc khu có nhiệm vụ hướng dẫn người dân thực hiện việc đăng ký hỗ trợ tài chính khi sinh con theo quy định tại Mẫu số 1 Phụ lục Nghị định số 301/2026/NĐ-CP (Trường hợp người dân điền thiếu thông tin yêu cầu nhận hỗ trợ khi thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh, cán bộ hộ tịch cần phản hồi thông tin cho người dân biết về chính sách nhằm thực hiện chính sách cho người dân kịp thời). Việc hỗ trợ tài chính khi sinh con được thực hiện đồng thời với thời điểm đăng ký khai sinh; không đặt ra thêm thành phần hồ sơ, điều kiện, thời hạn hoặc yêu cầu thủ tục ngoài quy định; hạn chế yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã có trong các cơ sở dữ liệu được kết nối, chia sẻ theo quy định. |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | + Trong trường hợp người dân chưa nhận chính sách vào thời điểm đăng ký khai sinh, hoặc đăng ký khai sinh tại địa phương khác *(chưa nhận chính sách hỗ trợ tương tự)* Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu *(nơi người dân cư trú lúc sinh con)* phân công rà bộ phận phụ trách soát thống kê số lượng, đồng thời căn cứ thông tin từ hệ thống liên thông thủ tục đăng ký khai sinh, cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư, ứng dụng định danh quốc gia (VneiD) và các cơ sở dữ liệu có sẵn để quyết định hỗ trợ kinh phí và thực hiện chi trả cho phụ nữ sinh con theo đúng đối tượng quy định, trường hợp phát sinh yêu cầu xác minh thông tin đối tượng hưởng chính sách (tránh chi trùng), đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu chủ động thực hiện các thủ tục xác minh thông tin, không được phép yêu cầu người dân trực tiếp về nơi cư trú hoặc nơi đăng ký cấp giấy khai sinh xác minh thông tin. |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | Phòng VHXH Phường Tân Sơn Nhất (Công văn số 727/VHXH ngày 09/11/2026) | Đề xuất giữ nguyên số lượng cộng tác viên dân số | Đối với các phường, xã, đặc khu có ý kiến về số lượng Cộng tác viên phân bổ cụ thể. Nội dung chính sách chỉ quy định về định mức thù lao.<br>Số lượng cộng tác viên được phân bổ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này.".* Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.<br>Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của phường, xã, đặc khu. |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | UBND Xã Thường Tân (Công văn số 2460/UBND-VX ngày 10/11/2026) | - Đối với địa bàn xã (diện tích rộng, dân cư thưa thớt): Mỗi cộng tác viên phụ trách tối thiểu 150 hộ, tối đa 300 hộ.<br>- Đối với địa bàn phường (mật độ dân số đông): Mỗi cộng tác viên phụ trách tối thiểu 500 hộ, tối đa 800 hộ.<br>- Đề nghị tiếp tục duy trì số lượng cộng tác viên dân số của xã ở mức hiện tại là 21 người (thay vì dự kiến bố trí 12 người)<br>- Xem xét, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết định mức số hộ phụ trách/cộng tác viên phân theo từng loại hình địa bàn như trên; đồng thời cho phép cơ chế đặc thù đối với các xã có diện tích lớn, mật độ dân số thấp được duy trì số lượng cộng tác viên phù hợp với thực tế địa bàn. | Đối với các phường, xã, đặc khu có ý kiến về số lượng Cộng tác viên phân bổ cụ thể. Nội dung chính sách chỉ quy định về định mức thù lao.<br>Số lượng cộng tác viên được phân bổ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này.".* Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định. |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của phường, xã, đặc khu. |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | UBND Xã Đông Thạnh (Công văn số 6236/UBND ngày 11/11/2026) | 1. Thay đổi hình thức về các mẫu báo cáo hàng tháng của CTV bằng giấy theo mẫu của Chi cục cung cấp cho CTV nộp hàng tháng về Phòng Văn hóa - Xã hội xã bằng hình thức nhập thông tin báo cáo qua đường truyền hoặc qua ứng dụng điện tử phù hợp để tổng hợp thông tin nhanh, không mất nhiều thời gian, khi cần dữ liệu trích xuất ngay không cần nhập lại lên phần mềm làm mất thời gian của CTV cũng như của cán bộ hiện nay, cộng tác viên không phải liên hệ với Phòng và chuyên viên phụ trách không mất thời gian tiếp CTV.<br>2. Đề xuất giữ nguyên số lượng CTV dân số hiện nay đến hết năm 2026 để địa phương tiến hành rà soát thực tế số hộ tại mỗi ấp và đề xuất số lượng cộng tác viên nhằm đảm bảo số hộ được quản lý phù hợp với số lượng CTV của từng ấp, trong công tác quản lý, vãng gia địa bàn.<br>3. Đối với phương án điều chỉnh số lượng CTV dân số dự kiến áp dụng từ ngày 01/11/2026, kiến nghị phân bổ lại số lượng CTV phù hợp (tăng thêm số lượng), dựa trên đề xuất của từng địa phương, đồng thời nên có số lượng phân bổ dựa trên hộ (từ khoảng bao nhiêu hộ đến khoảng bao nhiêu hộ), nếu được phân bổ số cộng tác viên như dự thảo hiện tại, thì số hộ của 01 CTV sẽ phụ trách trên từ 600 hộ đến trên 700 hộ, nên sẽ rất khó khăn trong phân bổ cho 52 ấp và khó khăn cho CTV vì số lượng hộ dân và bán kính địa bàn quá lớn so với trước đây. | Đối với các phường, xã, đặc khu có ý kiến về số lượng Cộng tác viên phân bổ cụ thể. Nội dung chính sách chỉ quy định về định mức thù lao.<br>Số lượng cộng tác viên được phân bổ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này."*. Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.<br>Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của phường, xã, đặc khu. |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | UBND Phường Tam Long (Công văn số 12367/UBND-VHCH ngày 10/11/2026) | 1. Về số lượng cộng tác viên dân số đề nghị sau khi ban hành Nghị quyết, Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giao chỉ tiêu số lượng cộng tác viên dân số cho từng xã, phường, đặc khu để thực hiện thống nhất. | Đối với các phường, xã, đặc khu có ý kiến về số lượng Cộng tác viên phân bổ cụ thể. Nội dung chính sách chỉ quy định về định mức thù lao.<br>Số lượng cộng tác viên được phân bổ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này."*. Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.<br>Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của phường, xã, đặc khu. |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | 2. Giữ nguyên chính sách hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế tự nguyện đối với cộng tác viên dân số chưa tham gia bảo hiểm y tế theo diện bắt buộc. | **Không tiếp thu ý kiến góp ý:** Căn cứ Công văn số 11514/STP-VB ngày 08/9/2026 của Sở Tư pháp về việc góp ý dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thực hiện công tác dân số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh<br>Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và khoản 1 Điều 3 Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật:<br>*"1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:*<br>*a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên"*<br>Căn cứ khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP quy định: *"Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này."*<br>Dự thảo Nghị quyết đang xây dựng theo chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, theo đó, khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP chỉ giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số; không giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các chế độ khác đối với cộng tác viên dân số. Tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp, do đó chính sách hỗ trợ 100% mức đóng cho cộng tác viên dân số khi tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện được lược bỏ không xây dựng trong dự thảo Nghị quyết. |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | UBND Phường Tân Thành<br>(Công văn số 5714/UBND-VHXH ngày 11/11/2026) | Về số lượng cộng tác viên dân số đề nghị sau khi ban hành Nghị quyết, Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giao chỉ tiêu số lượng cộng tác viên dân số cho từng xã, phường, đặc khu để thực hiện thống nhất. | Đối với các phường, xã, đặc khu có ý kiến về số lượng Cộng tác viên phân bổ cụ thể. Nội dung chính sách chỉ quy định về định mức thù lao.<br>Số lượng cộng tác viên được phân bổ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này.".* Do đó thẩm quyền quyết định số lượng |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.<br>Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của phường, xã, đặc khu. |
| | | Đề nghị Sở Y tế tham mưu giữ nguyên chính sách hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế tự nguyện đối với cộng tác viên dân số chưa tham gia bảo hiểm y tế theo diện bắt buộc. | **Không tiếp thu ý kiến góp ý:** Căn cứ Công văn số 11514/STP-VB ngày 08/9/2026 của Sở Tư pháp về việc góp ý dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thực hiện công tác dân số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh<br>Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và khoản 1 Điều 3 Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật:<br>*"1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:*<br>*a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên"*<br>Căn cứ khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP quy định: *"Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này."*<br>Dự thảo Nghị quyết đang xây dựng theo chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, theo đó, khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP chỉ giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số; không giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các chế độ khác đối với cộng tác viên dân số. Tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp, do đó chính sách hỗ trợ 100% mức đóng cho cộng tác viên dân số khi tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện được lược bỏ không xây dựng trong dự thảo Nghị quyết. |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | UBND Phường Tân Hải<br>(Công văn số 3328/UBND-VHXH ngày 09/11/2026) | Đề nghị sau khi ban hành Nghị quyết, Chi cục Dân số tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giao chỉ tiêu số lượng cộng tác viên dân số cho từng xã, phường, đặc khu để thực hiện thống nhất. | Đối với các phường, xã, đặc khu có ý kiến về số lượng Cộng tác viên phân bổ cụ thể. Nội dung chính sách chỉ quy định về định mức thù lao.<br>Số lượng cộng tác viên được phân bổ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban* |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | *nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này.”.* Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.<br>Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của phường, xã, đặc khu. |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | UBND Xã Hòa Hiệp (Công văn số 5696/UBND-VHXH ngày 11/11/2026) | Tại điểm b khoản 3 Điều 2, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, quy định cụ thể việc áp dụng khoản 2 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP đối với cộng tác viên dân số làm việc tại địa bàn ấp. Trong đó, cần làm rõ căn cứ xác định ngưỡng từ 500 hộ gia đình trở lên để hưởng mức thù lao bằng 0,5 lần mức lương cơ sở, mức thù lao đối với địa bàn ấp có dưới 500 hộ gia đình và sự tương ứng với các nhóm địa bàn được quy định tại Nghị định. Việc quy định cụ thể nhằm bảo đảm thống nhất về đối tượng, điều kiện và mức thù lao, tránh phát sinh cách hiểu khác nhau trong quá trình triển khai thực hiện. | **Không tiếp thu ý kiến góp ý:**<br>+ Căn cứ khoản 2 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP: *“2. Cộng tác viên dân số được hưởng thù lao hằng tháng theo mức lương cơ sở như sau:*<br>*a) Mức 0,5 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại: Các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; các thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định; các tổ dân phố, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên;*<br>*b) Mức 0,4 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các địa bàn còn lại.”*<br>+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: *“a) Ở thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: Thôn phải có từ 500 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố phải có từ 700 hộ gia đình trở lên;”*<br>Từ đó đề xuất xây dựng mức thù lao 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng và 0,4 lần mức lương cơ sở/người/tháng đối với cộng tác viên tùy thuộc vào số hộ gia đình quản lý theo quy định. |

## D. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ THÀNH PHỐ

**I.** Tính đến ngày 07/11/2026, Cổng Thông tin điện tử Thành phố nhận được 37 ý kiến góp ý (Theo Công văn số 28853/VP-TTĐT ngày 11/11/2026)

**II.** Kết quả cụ thể như sau:

| NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý | NỘI DUNG GÓP Ý | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|---|---|---|---|
| | Nguyễn Thị Xuân Mai (xuanmai75@ gmail.com, ngày góp ý 07/11/2026) | Tôi đồng ý với các nội dung văn bản dự thảo đã đưa ra. | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | Phùng Thị Kim Dung (phungdung129@gmail .com, ngày góp ý 07/11/2026) | Đa phần cộng tác viên dân số đều không còn làm việc ở các cơ quan, xí nghiệp…, nên xin giữ nguyên mức hỗ trợ 100% bhyt tự nguyện như hiện nay. Xin cảm ơn ạ. | **Không tiếp thu ý kiến góp ý:** Căn cứ Công văn số 11514/STP-VB ngày 08/9/2026 của Sở Tư pháp về việc góp ý dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thực hiện công tác dân số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh<br>Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và khoản 1 Điều 3 Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật:<br>*"1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:*<br>*a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên"*<br>Căn cứ khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP quy định: *"Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này."*<br>Dự thảo Nghị quyết đang xây dựng theo chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, theo đó, khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP chỉ giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số; không giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các chế độ khác đối với cộng tác viên dân số. Tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp, do đó chính sách hỗ trợ 100% mức đóng cho cộng tác viên dân số khi tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện được lược bỏ không xây dựng trong dự thảo Nghị quyết. |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | Lý Hoàng Minh Quân (3/23 Nguyễn Quý Anh, khu phố 27, phường Tân | Khôi phục hỗ trợ 100% tiền đóng BHYT tự nguyện Mỗi Khu phố nên có 2-3 CTV và điều chỉnh mức lương phù hợp với khối lượng công việc tăng so với trước Hỗ trợ cho các CTV dôi dư do bị mất | **Không tiếp thu ý kiến góp ý:** Căn cứ Công văn số 11514/STP-VB ngày 08/9/2026 của Sở Tư pháp về việc góp ý dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thực hiện |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Sơn Nhì, TP HCM, ngày góp ý 07/11/2026) | thu nhập và công việc một cách đột ngột | công tác dân số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh<br>Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và khoản 1 Điều 3 Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật:<br>*"1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:*<br>*a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên"*<br>Căn cứ khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP quy định: *"Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này."*<br>Dự thảo Nghị quyết đang xây dựng theo chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, theo đó, khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP chỉ giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số; không giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các chế độ khác đối với cộng tác viên dân số. Tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp, do đó chính sách hỗ trợ 100% mức đóng cho cộng tác viên dân số khi tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện được lược bỏ không xây dựng trong dự thảo Nghị quyết.<br>Căn cứ khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, <u>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số</u>; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này.".* Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.<br>Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của phường, xã, đặc khu. |
| | Trần Thị Cẩm Tuyến (tuyensoc2020@gmail.com, ngày góp ý | Tôi không đồng ý các dự thảo và 2 phụ lục | **Không tiếp thu ý kiến** |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 07/11/2026) | | |
| | Nguyễn Thị Nhung (truongtracy59@gmail.com, ngày góp ý 07/11/2026) | Không có ý kiến | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| | Phạm Thị Thu Hà (moondoan1309@gamil.com, ngày góp ý 07/11/2026) | Thống nhất với nội dung dự thảo | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| | Hằng Lê Thúy (thuyhang190879@gmail.com, ngày góp ý 07/11/2026) | Thống nhất với nội dung dự thảo | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | Tô Thị Lanh (caodinhnui@gmail.com, ngày góp ý 07/11/2026) | MỖI KHU PHỐ NÊN CÓ ÍT NHẤT 3 ĐẾN 4 CỘNG TÁC VIÊN DÂN SỐ | Đối với kiến về số lượng Cộng tác viên phân bổ cụ thể. Nội dung chính sách chỉ quy định về định mức thù lao.<br>Số lượng cộng tác viên được phân bổ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này."*. Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.<br>Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của phường, xã, đặc khu. |
| | Trạm y tế đặc khu Côn Đảo (lamkieuanh150889@gmail.com, ngày góp ý 07/11/2026) | Thống nhất với nội dung dự thảo | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | Nguyễn Thị Cẩm Nhân (ntcn1611@gmail.com, ngày góp ý 07/11/2026) | Theo tôi để giảm kinh phí gánh nặng cho nhà nước tôi đề nghị để khu phố trưởng kiêm luôn ctds tại khu phố trưởng nắm tất cả các hộ trong khu phố mình | **Không tiếp thu ý kiến góp ý:**<br>+ Căn cứ khoản 2 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"2. Cộng tác viên dân số được hưởng thù lao hằng tháng theo mức lương cơ sở như sau:*<br>*a) Mức 0,5 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc* |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | *tại: Các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; các thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định; các tổ dân phố, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên;*<br>*b) Mức 0,4 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các địa bàn còn lại."*<br>+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: *"a) Ở thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: Thôn phải có từ 500 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố phải có từ 700 hộ gia đình trở lên;"*<br>+ Căn cứ khoản 4 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 quy định:<br>*"4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau."*<br>Từ đó đề xuất xây dựng mức thù lao 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng và 0,4 lần mức lương cơ sở/người/thángđối với cộng tác viên tùy thuộc vào số hộ gia đình quản lý theo quy định.<br>Căn cứ khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này.".* Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.<br>Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của phường, xã, đặc khu. |
| | Đặng Văn Thể (dangvanthe01041962@gmail.com, ngày góp ý 07/11/2026) | Nhất trí văn bản | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| | Hồ Thị Trung (20/130 Bờ Bao Tân Thắng khu phố 1 phường Tân Sơn Nhì, ngày góp ý | Đồng ý | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 07/11/2026) | | |
| | Bùi Thị Cúc (buithicuc@gmail.com, ngày góp ý 07/11/2026) | Tôi đồng ý các dự thảo trên | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| | Trần Đình Hùng (hung55823@gmail.com, ngày góp ý 07/11/2026) | Tôi đồng ý với các dự thảo trên | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| | Nguyễn Thị Phương Linh (linhphuong.nguyen90@gmail.com, ngày góp ý 07/11/2026) | Thống nhất với nội dung dự thảo | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| | Võ Thị Nữ (vonu1170@gmail.com, ngày góp ý 07/11/2026) | Tôi đồng ý | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| | Nguyễn Phúc Châu (Nguyenphucchau16@gmail.com, ngày góp ý 07/11/2026) | Đồng ý với dự thảo | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| | Nguyễn Thanh Trường (thanhtruong08082006@gmail.com, ngày góp ý 06/11/2026) | Không có góp ý | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| | Nguyễn Thị Hồng Hạnh (tranhonganhcutivaio@gmail.com, ngày góp ý 06/11/2026) | đồng ý với văn bản này | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| | Trần Chiến Thắng (chienthang23081966@gmail.com, ngày góp ý 06/11/2026) | Nhất trí | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| | Vũ Thị Yến (Yen.vu.221974@gmail.com, ngày góp ý 06/11/2026) | Đồng ý với dự thảo | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Trần Thị Dân (tranthidan190668@gmail.com, ngày góp ý 06/11/2026) | Nhất trí | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | Võ Thành Nam (55 Diệp Minh Châu, ngày góp ý 06/11/2026) | 1 cộng tác viên không thể nào làm được Ít nhất 1 khu phố gần 800 hộ phai 5 CTV | Đối với ý kiến về số lượng Cộng tác viên phân bổ cụ thể. Nội dung chính sách chỉ quy định về định mức thù lao.<br>Số lượng cộng tác viên được phân bổ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này."*. Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.<br>Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của phường, xã, đặc khu. |
| | Phạm Thị Trang (diemtrangkt86@gmail.com, ngày góp ý 06/11/2026) | Không có ý kiến | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| | Trịnh Thị Lan Anh (lananh.trinh789@gmail.com, ngày góp ý 06/11/2026) | Đồng ý | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| | Đỗ Thị Thắm (dotham291@gmail.com, ngày góp ý 06/11/2026) | Đồng ý | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | Phạm Thị Thúy Phượng (Pttphuong197053@gmail. com, ngày góp ý 06/11/2026) | 1 người không thể nào làm được Ý kiến của tôi là 1 kp trên 700 hộ phải 4 cộng tác viên trở lên | Đối với ý kiến về số lượng Cộng tác viên phân bổ cụ thể. Nội dung chính sách chỉ quy định về định mức thù lao.<br>Số lượng cộng tác viên được phân bổ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này."*. Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.<br>Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | ý của phường, xã, đặc khu. |
| | Cẩm Nhân Nguyễn Thị (Ntcn1611@gmail.com, ngày góp ý 06/11/2026) | Tôi không có ý kiến thêm | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| | Lê Thị Thúy Phượng (dongnamdona@gmail.com, ngày góp ý 06/11/2026) | Tôi thống nhất với các văn bản dự thảo trên | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| - Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số | Vũ Thị Kim Dung (vuthikimdung804@gmail.com, ngày góp ý 06/11/2026) | Tôi có ý kiến mỗi khu phố trên 700 căn hộ nên có 6 CTV dân số để hoàn thành tốt công việc | Đối với ý kiến về số lượng Cộng tác viên phân bổ cụ thể. Nội dung chính sách chỉ quy định về định mức thù lao.<br>Số lượng cộng tác viên được phân bổ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP:<br>*"3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này."*. Do đó thẩm quyền quyết định số lượng Cộng tác viên do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.<br>Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành Quyết định phân bổ Cộng tác viên Dân số trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của phường, xã, đặc khu. |
| | Hoàng thị trà (54/36 diệp minh châu TSN TPHCM, ngày góp ý 06/11/2026) | Đồng ý với các văn bản trên | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| | Nguyễn Tuấn Thanh (Tuanthanhn2018@gmail.com, ngày góp ý 06/11/2026) | Góp ý dự thảo văn bản | **Không tiếp thu ý kiến** |
| | Dinh Huyền Sâm (42/1 Trần Hưng Đạo, ngày góp ý 06/11/2026) | Đồng y với dự thảo | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| | Tạ Thị Lan (talan060969@gmail.com, ngày góp ý 06/11/2026) | Thống nhất với nội dung văn bản dự thảo. | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | THANH XUÂN (xuanthanh0399x@gmail.com, ngày góp ý 06/11/2026) | Nhất trí | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| | Nguyễn trung bình (binhng1056@gmail.com, ngày góp ý 06/11/2026) | Thống nhất | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |
| | Ủy ban nhân dân phường Bình Phú (vhxh.binhphu@tphcm.gov.vn, ngày góp ý 05/11/2026) | Thống nhất với nội dung dự thảo | **Ghi nhận ý kiến góp ý** |